

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
KỲ THI NGÀY 19/10/2025**

Địa điểm thi:

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - **TẦNG 4**

Thời gian các ca thi:

Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 - 17h00, Ca 3: 17h30 - 21h00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
1	191100	Cái Xuân An	08/02/2001	110190001	Thừa Thiên Huế	19X1CLC1	1	01 (A401)	ĐHBK
2	191101	Hồ Xuân An	07/07/2002	109200060	Quảng Ngãi	20VLXD	1	01 (A401)	ĐHBK
3	191102	Lê Chí Trường	10/01/2002	107200140	Quảng Trị	20H5	1	01 (A401)	ĐHBK
4	191103	Lê Nguyễn Nhật	27/10/2003	107220180	Đắk Nông	22KTHH1	1	01 (A401)	ĐHBK
5	191104	Nguyễn Việt	15/12/2003	107210274	Nghệ An	21SH2	1	01 (A401)	ĐHBK
6	191105	Phạm Hoàng	06/08/2001	107190115	Quảng Ngãi	19H5CLC	1	01 (A401)	ĐHBK
7	191106	Lê Quốc	29/11/2003	103210113	Quảng Nam	21C4B	1	01 (A401)	ĐHBK
8	191107	Nguyễn Minh	30/12/2002	121200003	Đà Nẵng	20KT	1	01 (A401)	ĐHBK
9	191108	Nguyễn Như	02/08/2002	110200021	Quảng Nam	20X1A	1	01 (A401)	ĐHBK
10	191109	Nguyễn Thái	27/08/2002	107200087	Quảng Bình	20H2CLC	1	01 (A401)	ĐHBK
11	191110	Nguyễn Thế	16/08/2002	103200222	Quảng Nam	20HTCN	1	01 (A401)	ĐHBK
12	191111	Phan Ngọc Gia	16/09/2002	101200014	Quảng Ngãi	20C1A	1	01 (A401)	ĐHBK
13	191112	Lê Văn	01/05/2002	107200143	Quảng Trị	20H5	1	01 (A401)	ĐHBK
14	191113	Huỳnh Tấn	25/01/2002	110200057	Quảng Nam	20X1B	1	01 (A401)	ĐHBK
15	191114	Võ Đăng	15/01/2000	103190095	Quảng Nam	19C4CLC3	1	01 (A401)	ĐHBK
16	191115	Nguyễn Minh	25/02/2002	101200259	Quảng Nam	20CDT2	1	01 (A401)	ĐHBK
17	191116	Bùi Duy	02/02/2002	107200236	Nghệ An	20SH1	1	01 (A401)	ĐHBK
18	191117	Nguyễn Văn	04/10/2003	101210386	Thừa Thiên Huế	21CKHK	1	01 (A401)	ĐHBK
19	191118	Lê Phạm	05/10/2002	106200221	Quảng Nam	20KTMT1	1	01 (A401)	ĐHBK
20	191119	Nguyễn Hồng Thành	19/09/2002	103200227	Đà Nẵng	20HTCN	1	01 (A401)	ĐHBK
21	191120	Lý Ngọc	10/01/2002	101200150	Quảng Ngãi	20C1C	1	01 (A401)	ĐHBK
22	191121	Nguyễn Cao	16/08/2003	101210109	Quảng Bình	21C1A	1	01 (A401)	ĐHBK
23	191122	Nguyễn Công	08/09/2001	107190060	Nghệ An	19H2CLC2	1	01 (A401)	ĐHBK
24	191123	Nguyễn Duy	25/04/2002	101200345	Quảng Ngãi	20CDTCLC2	1	01 (A401)	ĐHBK
25	191124	Đinh Văn Tiến	12/03/2002	103200148	Đà Nẵng	20C4CLC3	1	01 (A401)	ĐHBK
26	191125	Lâm Thành	10/10/2002	107200312	Quảng Ngãi	20KTHH2	1	01 (A401)	ĐHBK
27	191126	Lê Mạnh	27/03/2002	121200061	Quảng Nam	20KTCLC	1	01 (A401)	ĐHBK
28	191127	Nguyễn Khắc	16/12/2002	102200125	Đà Nẵng	20TCLC_DT3	1	01 (A401)	ĐHBK
29	191128	Nguyễn Lê Tiến	21/11/2002	109200069	Nghệ An	20VLXD	1	02 (A402)	ĐHBK
30	191129	Nguyễn Quốc	29/08/2002	107200092	Quảng Nam	20H2CLC	1	02 (A402)	ĐHBK
31	191130	Phạm Quang	12/08/2001	103190052	Đà Nẵng	19C4CLC2	1	02 (A402)	ĐHBK
32	191131	Võ Thị Thu	02/01/2002	103200229	Quảng Nam	20HTCN	1	02 (A402)	ĐHBK
33	191132	Phan Võ Thanh	26/10/2004	111220075	Bình Định	22X2	1	02 (A402)	ĐHBK
34	191133	Nguyễn Văn	28/08/1999	104170078	Đà Nẵng	17N2	1	02 (A402)	ĐHBK
35	191134	Hoàng Đoàn Kiến	30/10/2002	110200134	Quảng Bình	20X1CLC2	1	02 (A402)	ĐHBK
36	191135	Hoàng Minh	19/09/2003	118210078	Quảng Bình	21KX	1	02 (A402)	ĐHBK
37	191136	Nguyễn Minh	19/08/2002	103200078	Đà Nẵng	20C4CLC1	1	02 (A402)	ĐHBK
38	191137	Trần Minh	02/08/2002	107200093	Thanh Hóa	20H2CLC	1	02 (A402)	ĐHBK
39	191138	Lê Việt	11/01/2003	107200147	Thanh Hóa	20H5	1	02 (A402)	ĐHBK
40	191139	Nguyễn Văn	15/06/2001	101200024	Nghệ An	20C1A	1	02 (A402)	ĐHBK
41	191140	Tạ Trung	25/03/2002	118200094	Đà Nẵng	20KXCLC	1	02 (A402)	ĐHBK
42	191141	Phạm Lê Vũ	03/11/2002	123200098	Quảng Ngãi	20PFIEV3	1	02 (A402)	ĐHBK
43	191142	Lưu Thị Mỹ	04/05/2003	117210020	Quảng Nam	21QLMT	1	02 (A402)	ĐHBK
44	191143	Nguyễn Thị Thùy	03/10/2004	111220077	Đà Nẵng	22X2	1	02 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
45	191144	Lê Thị Hồng	Gắm	22/07/2001	121190009	Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1 02 (A402)	ĐHBK
46	191145	Mai Nguyễn Trường	Giang	30/05/2001	106190009	Đà Nẵng	19DTCLC1	1 02 (A402)	ĐHBK
47	191146	Nguyễn Văn	Giang	19/06/2001	118190093	Quảng Nam	19QLCN1	1 02 (A402)	ĐHBK
48	191147	Trần Nguyễn Trường	Giang	04/09/2002	107200148	Đà Nẵng	20H5	1 02 (A402)	ĐHBK
49	191148	Đoàn Quốc	Hà	03/02/2002	118200038	Quảng Nam	20KX	1 02 (A402)	ĐHBK
50	191149	Hồ Thị Minh	Hà	24/11/2003	107210161	Quảng Nam	21H2CLC2	1 02 (A402)	ĐHBK
51	191150	Nguyễn Lương Văn	Hà	17/06/2002	101200026	Quảng Nam	20C1A	1 02 (A402)	ĐHBK
52	191151	Nguyễn Thị Hồng	Hà	16/05/2002	118200096	Quảng Nam	20KXCLC	1 02 (A402)	ĐHBK
53	191152	Phan Thanh	Hải	19/04/2002	103200116	Quảng Trị	20C4CLC2	1 02 (A402)	ĐHBK
54	191153	Võ Gia	Hân	31/03/2002	107200096	Bình Định	20H2CLC	1 02 (A402)	ĐHBK
55	191154	Võ Thị	Hằng	01/01/2003	118210014	Đà Nẵng	21QLCN1	1 02 (A402)	ĐHBK
56	191155	Nguyễn Hữu	Hào	14/11/2001	110190090	Thừa Thiên Huế	19X1CLC3	1 02 (A402)	ĐHBK
57	191156	Nguyễn Đức	Hào	21/06/2002	111200067	Quảng Nam	20THXD2	1 03 (A403)	ĐHBK
58	191157	Huỳnh Nhân	Hậu	19/01/2001	103200236	Quảng Nam	20HTCN	1 03 (A403)	ĐHBK
59	191158	Nguyễn Hữu	Hậu	20/04/2000	101180230	Quảng Nam	18CDT2	1 03 (A403)	ĐHBK
60	191159	Nguyễn Thị	Hiền	30/08/2001	118190050	Đà Nẵng	19KXCLC2	1 03 (A403)	ĐHBK
61	191160	Kiều Thanh	Hiền	27/10/2000	103190146	Quảng Ngãi	19C4CLC4	1 03 (A403)	ĐHBK
62	191161	Đoàn Hoàng	Hiếu	13/10/2004	123220149	Quảng Ngãi	22PFIEV2	1 03 (A403)	ĐHBK
63	191162	Đoàn Trung	Hiếu	05/09/2001	101190280	Quảng Nam	19CDTCLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
64	191163	Dương Minh	Hiếu	12/01/2003	105210059	Quảng Bình	21DCLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
65	191164	Nguyễn Gia	Hiếu	14/06/2002	103200153	Quảng Ngãi	20C4CLC3	1 03 (A403)	ĐHBK
66	191165	Nguyễn Văn	Hiếu	25/02/2002	107200195	Thừa Thiên Huế	20KTHH1	1 03 (A403)	ĐHBK
67	191166	Phạm Đình	Hiếu	07/02/2003	107210284	Ninh Thuận	21SH2	1 03 (A403)	ĐHBK
68	191167	Võ Văn	Hiếu	04/01/2001	103190058	Quảng Nam	19C4CLC2	1 03 (A403)	ĐHBK
69	191168	Nguyễn Chương	Hòa	08/01/2003	118210080	Nghệ An	21KX	1 03 (A403)	ĐHBK
70	191169	Trịnh	Hòa	18/03/2002	107200150	Quảng Nam	20H5	1 03 (A403)	ĐHBK
71	191170	Bùi Văn Ngọc	Hoan	29/11/2003	101210166	Quảng Trị	21C1C	1 03 (A403)	ĐHBK
72	191171	Đặng Văn	Hoàng	02/03/2002	103210060	Gia Lai	21C4CLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
73	191172	Nguyễn Thiện	Hoàng	01/01/2002	101200434	Quảng Nam	20CKHK	1 03 (A403)	ĐHBK
74	191173	Trần Văn	Học	13/03/2004	110220146	Đắk Nông	22X1C	1 03 (A403)	ĐHBK
75	191174	Ung Ngọc	Hợp		107240216		24H5B	1 03 (A403)	ĐHBK
76	191175	Phan Lương	Huân	04/09/2002	105200232	Thừa Thiên Huế	20DCLC3	1 03 (A403)	ĐHBK
77	191176	Trần Huy	Hùng	17/07/2002	118200144	Thừa Thiên Huế	20QLCN1	1 03 (A403)	ĐHBK
78	191177	Huỳnh Châu	Hưng	25/09/2002	103200084	Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
79	191178	Nguyễn Ngọc	Hưng	13/07/2002	109200080	Đà Nẵng	20VLXD	1 03 (A403)	ĐHBK
80	191179	Trần Ngọc Gia	Hưng		107240218		24H5B	1 03 (A403)	ĐHBK
81	191180	Thái Văn Nhật	Hữu	03/03/2002	110200100	Quảng Nam	20X1CLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
82	191181	Lê Nhật	Huy	29/03/2001	105190147	Đà Nẵng	19DCLC4	1 03 (A403)	ĐHBK
83	191182	Lê Trương Đức	Huy	24/01/2002	109200083	Đà Nẵng	20VLXD	1 03 (A403)	ĐHBK
84	191183	Mai Văn Đức	Huy	17/11/2002	110200101	Quảng Nam	20X1CLC1	1 03 (A403)	ĐHBK
85	191184	Nguyễn Đức	Huy	01/12/2003	110210109	Nghệ An	21X1B	1 04 (B401)	ĐHBK
86	191185	Nguyễn Hữu	Huy	28/12/2003	103210153	Thừa Thiên Huế	21C4CLC1	1 04 (B401)	ĐHBK
87	191186	Nguyễn Mạnh	Huy	28/02/2002	106200195	Đà Nẵng	20DTCLC4	1 04 (B401)	ĐHBK
88	191187	Nguyễn Nho Gia	Huy	13/11/2002	102200134	Quảng Nam	20TCLC_DT3	1 04 (B401)	ĐHBK
89	191188	Nguyễn Quốc	Huy	27/09/2001	101200034	Quảng Nam	20C1A	1 04 (B401)	ĐHBK
90	191189	Nguyễn Trần Quang	Huy	13/11/2002	110200031	Quảng Nam	20X1A	1 04 (B401)	ĐHBK
91	191190	Nguyễn Văn	Huy	13/02/2003	101210171	Thừa Thiên Huế	21C1C	1 04 (B401)	ĐHBK
92	191191	Phạm Hoàng Minh	Huy	24/05/2002	110200142	Quảng Nam	20X1CLC2	1 04 (B401)	ĐHBK
93	191192	Phan Đình	Huy	27/06/2002	118200103	Đà Nẵng	20KXCLC	1 04 (B401)	ĐHBK
94	191193	Phan Gia	Huy	28/06/2002	106200020	Quảng Nam	20DT1	1 04 (B401)	ĐHBK
95	191194	Trần Gia	Huy	19/05/2002	102200053	Quảng Nam	20TCLC_DT1	1 04 (B401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
96	191195	Võ Đoàn Quang	Huy	13/10/2001	103190152	Quảng Nam	19C4CLC4	1 04 (B401)	ĐHBK
97	191196	Võ Vương	Huy	25/08/2001	101190450	Quảng Nam	19CDTCLC4	1 04 (B401)	ĐHBK
98	191197	Nguyễn Đình	Kha	05/06/2003	104210048	Quảng Ngãi	21N	1 04 (B401)	ĐHBK
99	191198	Trần Đình Bảo	Kha	26/03/2003	107210194	Hà Tĩnh	21H5	1 04 (B401)	ĐHBK
100	191199	Trần Duy	Kha	22/11/2003	101210219	Quảng Ngãi	21C1D	1 04 (B401)	ĐHBK
101	191200	Huỳnh Ngọc	Khải	13/02/2003	107210195	Thừa Thiên Huế	21H5	1 04 (B401)	ĐHBK
102	191201	Phan Quang	Kháng	10/02/2002	118200198	Quảng Ngãi	20QLCN2	1 04 (B401)	ĐHBK
103	191202	Nguyễn Văn	Khanh	16/09/2001	103190153	Quảng Ngãi	19C4CLC4	1 04 (B401)	ĐHBK
104	191203	Phạm Đức	Khánh	05/11/2002	111200075	Nghệ An	20THXD2	1 04 (B401)	ĐHBK
105	191204	Trần Quốc	Khánh	02/08/2001	104190021	Quảng Bình	19NCLC	1 04 (B401)	ĐHBK
106	191205	Võ Việt Long	Khánh	11/08/2003	110210076	Quảng Nam	21X1A	1 04 (B401)	ĐHBK
107	191206	Nguyễn Vũ	Khiêm	08/07/2002	105200166	Quảng Ngãi	20DCLC1	1 04 (B401)	ĐHBK
108	191207	Lê Toàn	Khoa	10/11/2002	118200047	Quảng Nam	20KX	1 04 (B401)	ĐHBK
109	191208	Nguyễn Đình Xuân	Khoa	23/02/2002	105200130	Đắk Lắk	20D2	1 04 (B401)	ĐHBK
110	191209	Nguyễn Tấn	Khoa		103240064		24C4B	1 04 (B401)	ĐHBK
111	191210	Phạm Duy	Khoa	02/05/2002	109200085	Quảng Nam	20VLXD	1 04 (B401)	ĐHBK
112	191211	Nguyễn Minh	Khôi	22/02/2001	105190062	Quảng Nam	19DCLC2	1 04 (B401)	ĐHBK
113	191212	Thái Đào Thanh	Lâm	29/06/2003	111210027	Đà Nẵng	21X2	1 05 (B402)	ĐHBK
114	191213	Bùi Thanh	Lịch	18/06/2001	104190022	Đà Nẵng	19NCLC	1 05 (B402)	ĐHBK
115	191214	Đặng Quang Nhật	Linh	30/06/2002	102200177	Đà Nẵng	20TCLC_DT4	1 05 (B402)	ĐHBK
116	191215	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	02/01/2001	121190070	Đà Nẵng	19KTCLC2	1 05 (B402)	ĐHBK
117	191216	Hồ Hoàng	Long	10/09/2000	106180205	Đà Nẵng	18DTCLC	1 05 (B402)	ĐHBK
118	191217	Hoàng	Long	14/09/2003	101210131	Thừa Thiên Huế	21C1B	1 05 (B402)	ĐHBK
119	191218	Nguyễn Hoàng	Long	24/01/2003	109210070	Thừa Thiên Huế	21X3	1 05 (B402)	ĐHBK
120	191219	Nguyễn Thành	Long	28/07/2002	103200126	Đà Nẵng	20C4CLC2	1 05 (B402)	ĐHBK
121	191220	Võ Văn	Luận	30/08/2004	111220086	Bình Định	22X2	1 05 (B402)	ĐHBK
122	191221	Tăng Thảo	Ly	19/10/2002	106200097	Đà Nẵng	20DTCLC1	1 05 (B402)	ĐHBK
123	191222	Trương Thị Trúc	Ly	17/08/2002	117200043	Quảng Nam	20QLMT	1 05 (B402)	ĐHBK
124	191223	Lê Thị Tuyết	Mai		107240030		24H2A	1 05 (B402)	ĐHBK
125	191224	Nguyễn Thị	Mai	21/10/2002	118200151	Quảng Nam	20QLCN1	1 05 (B402)	ĐHBK
126	191225	Nguyễn Thị Thanh	Mai	15/03/2003	107210347	Hà Tĩnh	21KTHH2	1 05 (B402)	ĐHBK
127	191226	Lữ Thị	Mẫn	13/02/2004	118220174	Quảng Nam	22QLCN2	1 05 (B402)	ĐHBK
128	191227	Lê Xuân	Mễ	24/04/2001	121190071	Thừa Thiên Huế	19KTCLC2	1 05 (B402)	ĐHBK
129	191228	Đặng Xuân	Minh	17/07/2003	110210081	Quảng Bình	21X1A	1 05 (B402)	ĐHBK
130	191229	Huỳnh Lê Hoàng	Minh		107240224		24H5B	1 05 (B402)	ĐHBK
131	191230	Ngô Lê Ngọc	Minh	05/07/2002	121200074	Thừa Thiên Huế	20KTCLC	1 05 (B402)	ĐHBK
132	191231	Nguyễn Nhật	Minh	28/11/2002	121200075	Quảng Bình	20KTCLC	1 05 (B402)	ĐHBK
133	191232	Nguyễn Quang	Minh	06/10/2003	111210029	Quảng Nam	21X2	1 05 (B402)	ĐHBK
134	191233	Phạm Phú	Minh	19/11/2004	105220204	Đà Nẵng	22D5	1 05 (B402)	ĐHBK
135	191234	Lê Thị Như	Mộng	05/06/2001	121190027	Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1 05 (B402)	ĐHBK
136	191235	Bùi Thị Trà	My	17/09/2002	103200255	Quảng Ngãi	20HTCN	1 05 (B402)	ĐHBK
137	191236	Lê Minh	Mỹ	19/02/2002	110200037	Thừa Thiên Huế	20X1A	1 05 (B402)	ĐHBK
138	191237	Phan Thị	Mỹ	24/09/2002	107200114	Thừa Thiên Huế	20H2CLC	1 05 (B402)	ĐHBK
139	191238	Đặng Ngọc Phương	Nam	04/01/2001	105190154	Quảng Nam	19DCLC4	1 05 (B402)	ĐHBK
140	191239	Lê Hoài	Nam	25/04/2001	121190073	Quảng Nam	19KTCLC2	1 05 (B402)	ĐHBK
141	191240	Nguyễn Bá	Nam	22/12/2003	101210133	Nghệ An	21C1B	1 06 (B403)	ĐHBK
142	191241	Nguyễn Hữu	Nam	07/02/2001	101190105	Nghệ An	19C1B	1 06 (B403)	ĐHBK
143	191242	Phan Võ Hà	Nam	01/11/2002	118200053	Đà Nẵng	20KX	1 06 (B403)	ĐHBK
144	191243	Huỳnh Đức	Năng	23/02/2002	111200041	Quảng Nam	20THXD1	1 06 (B403)	ĐHBK
145	191244	Hoàng Trung	Nghĩa	22/11/2001	105190351	Thanh Hóa	19TDHCLC4	1 06 (B403)	ĐHBK
146	191245	Thái Nguyễn	Nghĩa	29/10/2002	106200136	Quảng Ngãi	20DTCLC2	1 06 (B403)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
147	191246	Nguyễn Văn Ngọc	19/07/2003	110210082	Hà Tĩnh	21X1A	1	06 (B403)	ĐHBK
148	191247	Võ Thị Bích Ngọc	15/07/2002	111200116	Phú Yên	20X2	1	06 (B403)	ĐHBK
149	191248	Võ Thị Thanh Ngọc	24/04/2001	118190021	Quảng Nam	19KXCLC1	1	06 (B403)	ĐHBK
150	191249	Hoàng Phúc Nguyên	24/10/2003	102210266	Hà Tĩnh	21TCLC_DT4	1	06 (B403)	ĐHBK
151	191250	Lê Trung Nguyên	15/09/2003	111220123	Nghệ An	22X2	1	06 (B403)	ĐHBK
152	191251	Nguyễn Duy Nguyên	04/03/2002	110200150	Đắk Lắk	20X1CLC2	1	06 (B403)	ĐHBK
153	191252	Nguyễn Văn Nhật Nguyên	25/11/2002	107200211	Thừa Thiên Huế	20KTHH1	1	06 (B403)	ĐHBK
154	191253	Trần Tấn Nguyên	15/12/2003	101210228	Thừa Thiên Huế	21C1D	1	06 (B403)	ĐHBK
155	191254	Bùi Quốc Nhân	27/01/2002	103200165	Quảng Nam	20C4CLC3	1	06 (B403)	ĐHBK
156	191255	Lê Thiệu Nhân	12/10/2003	107210200	Quảng Trị	21H5	1	06 (B403)	ĐHBK
157	191256	Phan Đức Nhân	24/12/2004	105220161	Nghệ An	22D4	1	06 (B403)	ĐHBK
158	191257	Võ Quang Nhân	12/04/2002	107200118	Thừa Thiên Huế	20H2CLC	1	06 (B403)	ĐHBK
159	191258	Nguyễn Văn Nhật	08/03/2001	109190057	Gia Lai	19X3CLC	1	06 (B403)	ĐHBK
160	191259	Ngô Thanh Nhớ	29/09/2002	111200042	Quảng Nam	20THXD1	1	06 (B403)	ĐHBK
161	191260	Nguyễn Thị Mi Ni	29/12/2001	107200121	Thừa Thiên Huế	20H2CLC	1	06 (B403)	ĐHBK
162	191261	Lê Trung Phong	01/05/2001	103190073	Quảng Nam	19C4CLC2	1	06 (B403)	ĐHBK
163	191262	Nguyễn Châu Đại Phong	24/03/2002	101200185	Quảng Nam	20C1C	1	06 (B403)	ĐHBK
164	191263	Trần Triệu Phong	17/04/2004	105220120	Quảng Nam	22D3	1	06 (B403)	ĐHBK
165	191264	Trần Đình Phú	11/11/2002	110200111	Quảng Nam	20X1CLC1	1	06 (B403)	ĐHBK
166	191265	Đào Huỳnh Tấn Phúc	18/08/2002	107200168	Đắk Lắk	20H5	1	06 (B403)	ĐHBK
167	191266	Phạm Văn Phúc	04/02/2002	103200097	Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1	06 (B403)	ĐHBK
168	191267	Phạm Văn Phúc	03/09/2002	109200040	Quảng Ngãi	20CSHT	1	06 (B403)	ĐHBK
169	191268	Trần Hữu Phúc	07/09/2001	123200076	Đà Nẵng	20PFIEV2	1	07 (C402)	ĐHBK
170	191269	Trần Văn Phúc	17/11/2002	102200065	Nghệ An	20TCLC_DT1	1	07 (C402)	ĐHBK
171	191270	Trần Trương Thiệu Phước	13/10/2003	109210200	Đà Nẵng	21X3B	1	07 (C402)	ĐHBK
172	191271	Cao Thị Phương	24/12/2003	107210368	Thừa Thiên Huế	21KTHH2	1	07 (C402)	ĐHBK
173	191272	Nguyễn Duy Phương	02/04/2001	101210138	Quảng Bình	21C1B	1	07 (C402)	ĐHBK
174	191273	Thái Hoàng Thanh Phương	08/08/2002	103200264	Quảng Nam	20HTCN	1	07 (C402)	ĐHBK
175	191274	Trần Thị Thanh Phương	03/09/2003	107210082	Quảng Nam	21KTHH1	1	07 (C402)	ĐHBK
176	191275	Hà Hồng Quân	07/10/2003	105210070	Kon Tum	21DCLC1	1	07 (C402)	ĐHBK
177	191276	Hồ Văn Quân	12/10/2002	107200338	Thừa Thiên Huế	20KTHH2	1	07 (C402)	ĐHBK
178	191277	Lê Minh Quân	19/07/2003	103210071	Hà Tĩnh	21HTCN	1	07 (C402)	ĐHBK
179	191278	Nguyễn Vĩnh Quân	05/09/2001	101190113	Nghệ An	19C1B	1	07 (C402)	ĐHBK
180	191279	Trần Việt Quân	16/05/2003	101210140	Hà Tĩnh	21C1B	1	07 (C402)	ĐHBK
181	191280	Trịnh Minh Quân	01/02/2001	101190462	Quảng Trị	19CDTCLC4	1	07 (C402)	ĐHBK
182	191281	Hoàng Văn Quang	03/03/2001	123190100	Quảng Bình	19PFIEV2	1	07 (C402)	ĐHBK
183	191282	Phạm Quỳnh Phước Quang	03/09/2001	109190060	Quảng Nam	19X3CLC	1	07 (C402)	ĐHBK
184	191283	Huỳnh Ngọc Trung Quốc	18/09/2002	111200045	Quảng Nam	20THXD1	1	07 (C402)	ĐHBK
185	191284	Hoàng Như Quý	14/08/2001	121190080	Quảng Trị	19KTCLC2	1	07 (C402)	ĐHBK
186	191285	Huỳnh Đại Quý	20/07/2003	101210029	Thừa Thiên Huế	21C1A	1	07 (C402)	ĐHBK
187	191286	Nguyễn Đăng Quý	14/09/2002	106200068	Thừa Thiên Huế	20DT2	1	07 (C402)	ĐHBK
188	191287	Nguyễn Văn Quý	02/12/1998	102160259	Nghệ An	16TCLC3	1	07 (C402)	ĐHBK
189	191288	Thái Hồng Quý	22/08/2002	105200105	Quảng Bình	20D1	1	07 (C402)	ĐHBK
190	191289	Tổng Viết Quý	26/02/2002	111200086	Thừa Thiên Huế	20THXD2	1	07 (C402)	ĐHBK
191	191290	Lương Văn Quyền	29/04/2004	105220168	Nghệ An	22D4	1	07 (C402)	ĐHBK
192	191291	Trần Hoàng Quyền	20/09/2001	103190121	Quảng Bình	19C4CLC3	1	07 (C402)	ĐHBK
193	191292	Vũ Trọng Quyền	20/12/2001	109200044	Thanh Hóa	20CSHT	1	07 (C402)	ĐHBK
194	191293	Phan Khắc Sáng	19/05/2003	107210206	Quảng Trị	21H5	1	07 (C402)	ĐHBK
195	191294	Hồ Văn Sơn	12/11/2001	121190081	Quảng Nam	19KTCLC2	1	07 (C402)	ĐHBK
196	191295	Bạch Ngọc Trọng Tài	27/01/2002	110200077	Thừa Thiên Huế	20X1B	1	07 (C402)	ĐHBK
197	191296	Đào Tấn Tài	14/07/2002	105200210	Phú Yên	20DCLC2	1	08 (C401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
198	191297	Lã Anh	Tài	22/07/2003	121210107	Gia Lai	21KT2	1	08 (C401)	ĐHBK
199	191298	Nguyễn Đức	Tài	01/10/2001	103190078	Quảng Nam	19C4CLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
200	191299	Nguyễn Văn	Tài	20/10/2004	110220043	Quảng Nam	22X1A	1	08 (C401)	ĐHBK
201	191300	Phạm Phú	Tài	20/02/2001	105190311	Quảng Nam	19TDHCLC3	1	08 (C401)	ĐHBK
202	191301	Phạm Thanh	Tài	01/01/2002	103200136	Quảng Nam	20C4CLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
203	191302	Trần Văn	Tâm	28/02/2001	105190411	Quảng Nam	19TDHCLC5	1	08 (C401)	ĐHBK
204	191303	Võ Minh	Tâm	20/04/2002	101200125	Quảng Bình	20C1B	1	08 (C401)	ĐHBK
205	191304	Võ Thành	Tâm	20/06/2001	109200142	Quảng Bình	20X3	1	08 (C401)	ĐHBK
206	191305	Trần Hậu	Tân	06/06/2002	101200373	Hà Tĩnh	20CDTCLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
207	191306	Lê Việt	Tấn	12/12/2002	111200049	Quảng Nam	20THXD1	1	08 (C401)	ĐHBK
208	191307	Đinh Nhật	Tây	18/12/2002	103200269	Quảng Nam	20HTCN	1	08 (C401)	ĐHBK
209	191308	Lê Sơn	Tây	02/12/2002	101200193	Quảng Ngãi	20C1C	1	08 (C401)	ĐHBK
210	191309	Phạm Hồng	Thái	03/12/2001	103200102	Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
211	191310	Đặng Đức	Thắng	27/09/2002	105200176	Gia Lai	20DCLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
212	191311	Đặng Quốc	Thắng	26/01/2001	103190079	Bình Định	19C4CLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
213	191312	Hà Ngọc	Thắng	16/02/2002	109200046	Đà Nẵng	20CSHT	1	08 (C401)	ĐHBK
214	191313	Mai Quang	Thắng	16/11/2003	118210103	Quảng Nam	21KX	1	08 (C401)	ĐHBK
215	191314	Nguyễn Phước	Thanh	09/11/2002	110200118	Quảng Nam	20X1CLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
216	191315	Nguyễn Trọng	Thanh	04/12/2002	105200429	Thanh Hóa	20TDHCLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
217	191316	Trần Văn	Thành	15/10/2003	101210145	Quảng Nam	21C1B	1	08 (C401)	ĐHBK
218	191317	Võ Văn	Thành	16/03/2001	105190122	Đà Nẵng	19DCLC3	1	08 (C401)	ĐHBK
219	191318	Nguyễn Văn	Thạnh	30/03/2004	123220177	Đà Nẵng	22PFIEV2	1	08 (C401)	ĐHBK
220	191319	Bùi Thanh	Thảo	06/01/2002	118200125	Quảng Nam	20KXCLC	1	08 (C401)	ĐHBK
221	191320	Trần Đình	Thi	30/03/2002	106200246	Quảng Nam	20KTMT1	1	08 (C401)	ĐHBK
222	191321	Hứa Bành	Thiên	22/04/2003	105210075	Quảng Nam	21DCLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
223	191322	Đoàn Văn	Thiện	29/10/2002	111200091	Quảng Nam	20THXD2	1	08 (C401)	ĐHBK
224	191323	La Thành	Thiện	02/01/2003	109220088	Thừa Thiên Huế	22X3A	1	08 (C401)	ĐHBK
225	191324	Ngô Quang	Thiện	30/08/2001	104190036	Quảng Ngãi	19NCLC	1	08 (C401)	ĐHBK
226	191325	Nguyễn Ngọc	Thiện	14/01/2000	105180214	Đà Nẵng	18DCLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
227	191326	Nguyễn Ngọc	Thiện	28/08/2002	103200139	Đà Nẵng	20C4CLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
228	191327	Nguyễn Như Hoàng	Thiện	25/09/2002	105200214	Quảng Nam	20DCLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
229	191328	Lê Nguyễn Quốc	Thịnh	22/11/2003	101210146	Thừa Thiên Huế	21C1B	1	08 (C401)	ĐHBK
230	191329	Nguyễn Vũ Nhật	Thịnh	24/11/2002	101200063	Quảng Nam	20C1A	1	08 (C401)	ĐHBK
231	191330	Đỗ	Thuận	12/03/2003	101210194	Thừa Thiên Huế	21C1C	1	08 (C401)	ĐHBK
232	191331	Võ Văn Chí	Thuận	25/04/2002	123200126	Quảng Nam	20PFIEV3	1	08 (C401)	ĐHBK
233	191332	Nguyễn Thị Thanh	Thương	28/09/2003	118210042	Đà Nẵng	21KX	1	08 (C401)	ĐHBK
234	191333	Nguyễn Văn	Thương	14/06/2002	118200071	Đà Nẵng	20KX	1	08 (C401)	ĐHBK
235	191334	Lê Văn	Tiến	21/10/2002	101200378	Thừa Thiên Huế	20CDTCLC2	1	08 (C401)	ĐHBK
236	191335	Lê Văn	Tiến	19/07/2002	105200180	Nghệ An	20DCLC1	1	08 (C401)	ĐHBK
237	191336	Phan Minh	Tiến	12/12/2001	103190129	Đà Nẵng	19C4CLC3	1	08 (C401)	ĐHBK
238	191337	Võ Quang	Tiến	11/03/2001	105190126	Thừa Thiên Huế	19DCLC3	1	08 (C401)	ĐHBK
239	191338	Võ Trung	Tiền	16/05/1997	109150171	Phú Yên	15X3C	1	08 (C401)	ĐHBK
240	191339	Lê Thị Út	Tín	02/08/2003	107210231	Quảng Ngãi	21KTHH1	1	08 (C401)	ĐHBK
241	191340	Nguyễn Đình	Tín	17/10/2002	117200027	Đắk Lắk	20MT	1	08 (C401)	ĐHBK
242	191341	Lê Phước	Tính	10/12/2001	110210131	Quảng Nam	21X1B	1	08 (C401)	ĐHBK
243	191342	Lê Quốc	Tính	16/11/2002	103200176	Quảng Ngãi	20C4CLC3	1	08 (C401)	ĐHBK
244	191343	Nguyễn Công	Tính	17/04/2002	110200049	Quảng Nam	20X1A	1	08 (C401)	ĐHBK
245	191344	Nguyễn Việt	Tinh	27/09/2003	110210132	Quảng Nam	21X1B	1	08 (C401)	ĐHBK
246	191345	Phùng Tiên	Tinh	30/08/2002	121200090	Quảng Nam	20KTCLC	1	08 (C401)	ĐHBK
247	191346	Nguyễn Bảo	Tinh	05/06/2003	107210233	Phú Yên	21KTHH1	1	08 (C401)	ĐHBK
248	191347	Ngô Nguyễn Minh	Toàn	31/03/2004	110220180	Thừa Thiên Huế	22X1C	1	08 (C401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
249	191348	Trần Công Anh	Toàn	17/06/2003	101210296	Quảng Nam	21CDT2	1 09 (C404)	ĐHBK
250	191349	Trần Đức	Toàn	16/06/2002	110200050	Quảng Nam	20X1A	1 09 (C404)	ĐHBK
251	191350	Trần Nguyễn	Tới	30/05/2002	102200394	Quảng Nam	20T2	1 09 (C404)	ĐHBK
252	191351	Võ Mỹ Hồng	Trà	05/08/2002	118200128	Quảng Ngãi	20KXCLC	1 09 (C404)	ĐHBK
253	191352	Hà Ngọc Bích	Trâm	24/06/2002	107200347	Đà Nẵng	20KTHH2	1 09 (C404)	ĐHBK
254	191353	Mai Huyền	Trang	03/01/2002	121200046	Quảng Nam	20KT	1 09 (C404)	ĐHBK
255	191354	Nguyễn Thùy	Trang	29/09/2004	111220021	Quảng Trị	22DTTM	1 09 (C404)	ĐHBK
256	191355	Phạm Thị Huyền	Trang	13/07/2001	103210076	Hà Tĩnh	21HTCN	1 09 (C404)	ĐHBK
257	191356	Phan Bá	Triều	25/03/2002	111200096	Quảng Nam	20THXD2	1 09 (C404)	ĐHBK
258	191357	Nguyễn Thị Kiều	Trình	31/10/2002	107200226	Quảng Nam	20KTHH1	1 09 (C404)	ĐHBK
259	191358	Phạm Văn	Trọng	10/10/2002	102200237	Hà Tĩnh	20TCLC_DT5	1 09 (C404)	ĐHBK
260	191359	Trần Công	Trọng	21/09/2002	110200052	Quảng Nam	20X1A	1 09 (C404)	ĐHBK
261	191360	Nguyễn Thành	Trung	03/07/2001	106190135	Đà Nẵng	19DTCLC3	1 09 (C404)	ĐHBK
262	191361	Nguyễn Thành	Trung	14/04/2003	103210212	Quảng Trị	21HTCN2	1 09 (C404)	ĐHBK
263	191362	Phạm Quang	Trung	23/11/2001	105190319	Quảng Bình	19TDHCLC3	1 09 (C404)	ĐHBK
264	191363	Nguyễn Quang	Trường	18/08/2001	110190117	Quảng Nam	19X1CLC3	1 09 (C404)	ĐHBK
265	191364	Nguyễn Quang	Trường	15/01/2002	105200183	Quảng Nam	20DCLC1	1 09 (C404)	ĐHBK
266	191365	Nguyễn Văn	Trường	23/05/2000	106180057	Thừa Thiên Huế	18DT1	1 09 (C404)	ĐHBK
267	191366	Trịnh Quang	Trường	10/09/2002	111200098	Đà Nẵng	20THXD2	1 09 (C404)	ĐHBK
268	191367	Văn Quang	Trường	10/02/2003	101210246	Nghệ An	21C1D	1 09 (C404)	ĐHBK
269	191368	Võ Thanh	Trường	04/04/2001	105190041	Quảng Nam	19DCLC1	1 09 (C404)	ĐHBK
270	191369	Võ Văn Anh	Truyền	19/02/2003	110210137	Quảng Nam	21X1B	1 09 (C404)	ĐHBK
271	191370	Nguyễn Phạm Anh	Tú	11/11/2002	102200037	Đà Nẵng	20T1	1 09 (C404)	ĐHBK
272	191371	Lê Anh	Tư	16/04/2003	101210200	Hà Tĩnh	21C1C	1 09 (C404)	ĐHBK
273	191372	Nguyễn Ngọc	Tuân	20/02/2002	109210164	Quảng Ngãi	21X3	1 09 (C404)	ĐHBK
274	191373	Đặng Nguyễn Anh	Tuấn	29/09/2002	121200050	Quảng Bình	20KT	1 09 (C404)	ĐHBK
275	191374	Huỳnh Anh	Tuấn	20/05/2003	105210111	Đà Nẵng	21DCLC1	1 09 (C404)	ĐHBK
276	191375	Lê Đức	Tuấn	11/02/2002	102200239	Quảng Nam	20TCLC_DT5	1 09 (C404)	ĐHBK
277	191376	Lê Văn	Tuấn	19/03/2002	103200216	Đà Nẵng	20C4CLC4	1 09 (C404)	ĐHBK
278	191377	Nguyễn Anh	Tuấn	09/08/2001	105190222	Hà Tĩnh	19TDHCLC1	1 09 (C404)	ĐHBK
279	191378	Tăng Hà Minh	Tuấn	25/08/2003	121210116	Đà Nẵng	21KT2	1 09 (C404)	ĐHBK
280	191379	Trần Công	Tuấn	27/09/2001	103190133	Quảng Nam	19C4CLC3	1 09 (C404)	ĐHBK
281	191380	Trần Thị Thanh	Tùng	10/04/2001	106190185	Quảng Nam	19DTCLC4	1 09 (C404)	ĐHBK
282	191381	Trần Văn	Tùng	19/09/2002	118200078	Quảng Nam	20KX	1 09 (C404)	ĐHBK
283	191382	Nguyễn Vinh	Tường	20/12/2002	110200171	Quảng Nam	20X1CLC2	1 09 (C404)	ĐHBK
284	191383	Nguyễn Viết	Tường	11/04/2003	109210144	Quảng Nam	21VLXD2	1 09 (C404)	ĐHBK
285	191384	Trần Quốc	Tuyển	28/03/2001	105190373	Hà Tĩnh	19TDHCLC4	1 09 (C404)	ĐHBK
286	191385	Nguyễn Đức	Vệ	21/07/2001	103190090	Quảng Nam	19C4CLC2	1 09 (C404)	ĐHBK
287	191386	Hoàng Quốc	Việt	09/01/2001	101190317	Quảng Bình	19CDTCLC1	1 09 (C404)	ĐHBK
288	191387	Trần Viết	Vinh	26/02/1995	104140181	Quảng Trị	14NL	1 09 (C404)	ĐHBK
289	191388	Lê Hoàng	Vũ	10/09/2001	106190187	Hà Tĩnh	19DTCLC4	1 09 (C404)	ĐHBK
290	191389	Nguyễn Hoàng	Vũ	22/08/2002	102200201	Quảng Nam	20TCLC_DT4	1 09 (C404)	ĐHBK
291	191390	Nguyễn Hoàng	Vũ	14/09/2004	107220043	Nghệ An	22H2A	1 09 (C404)	ĐHBK
292	191391	Nguyễn Minh	Vũ	14/04/2002	109200111	Đà Nẵng	20VLXD	1 09 (C404)	ĐHBK
293	191392	Nguyễn Minh	Vũ	17/08/2003	102210142	Đắk Lắk	21T_DT2	1 09 (C404)	ĐHBK
294	191393	Phạm Đình	Vũ	13/05/2003	109210168	Quảng Nam	21X3	1 09 (C404)	ĐHBK
295	191394	Vũ Ngọc Tường	Vy	09/04/2002	107200231	Quảng Nam	20KTHH1	1 09 (C404)	ĐHBK
296	191395	Đỗ Hoàng	Ý	20/05/2002	103200145	Quảng Nam	20C4CLC2	1 09 (C404)	ĐHBK
297	191396	Nguyễn Đức Minh	Ý	08/06/1998	109170130	Quảng Nam	17X3CLC	1 09 (C404)	ĐHBK
298	191397	Nguyễn Thị	Yến	28/05/2002	118200235	Quảng Ngãi	20QLCN2	1 09 (C404)	ĐHBK
299	191398	Lê Trà Hoàng	Ánh	03/07/2004	221120913204	Đà Nẵng	48K13.2	1 09 (C404)	ĐHKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
300	191399	Nguyễn Thị Ánh	02/01/2004	221121006204	Hà Tĩnh	48K06.2	1	09 (C404)	ĐHKHT
301	191400	Phạm Thị Kim	29/03/2004	221121514244	Quảng Ngãi	48K14.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
302	191401	Võ Thị Kim	03/10/2004	221121330109	Đà Nẵng	48K30	2	10 (A401)	ĐHKHT
303	191402	Trương Thị Mỹ	25/12/2003	211121006311	Quảng Trị	47K06.3	2	10 (A401)	ĐHKHT
304	191403	Hoàng Thị	06/02/2004	221121018309	Nghệ An	48K18.3	2	10 (A401)	ĐHKHT
305	191404	Dương Thị	06/07/2004	221121006611	Nghệ An	48K06.6	2	10 (A401)	ĐHKHT
306	191405	Lê Thị Mi	27/05/2000	181124022324	Đà Nẵng	44K22.3	2	10 (A401)	ĐHKHT
307	191406	Châu Thị Nhật	02/01/2003	211121703228	Kon Tum	47K03.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
308	191407	Nguyễn Tiến Thảo	25/11/2003	211124022228	Nghệ An	47K22.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
309	191408	Đỗ Thị Vy	15/06/2003	211121132129	Quảng Ngãi	47K32.1	2	10 (A401)	ĐHKHT
310	191409	Ngô Thị Ly	19/09/2004	221121521225	Đà Nẵng	48K21.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
311	191410	Tăng Nguyễn Huyền	05/06/2001	191121726118	Đắk Lắk	45K26	2	10 (A401)	ĐHKHT
312	191411	Lý Thị Phương	05/02/2004	221121726129	Quảng Nam	48K26	2	10 (A401)	ĐHKHT
313	191412	Huỳnh Thị Như	12/11/2004	221121521229	Quảng Ngãi	48K21.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
314	191413	Lê Anh	25/04/2004	221121006231	Quảng Trị	48K06.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
315	191414	Nguyễn Thị Thùy	05/05/2004	221121132132	Thừa Thiên Huế	48K32.1	2	10 (A401)	ĐHKHT
316	191415	Nguyễn Thị Minh	24/04/2003	211121302227	Quảng Ngãi	47K02.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
317	191416	Lương Kim	28/05/2004	221121521230	Quảng Nam	48K21.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
318	191417	Trần Bảo	22/09/2004	221121325335	Đà Nẵng	48K25.3	2	10 (A401)	ĐHKHT
319	191418	Trần Thị Thảo	23/02/2004	221121132137	Quảng Nam	48K32.1	2	10 (A401)	ĐHKHT
320	191419	Lê Thị Hồng	08/06/1998	161121407323	Quảng Trị	42K07.3-CLC	2	10 (A401)	ĐHKHT
321	191420	Nguyễn Thị Kim	10/05/1998	161121104163	Quảng Nam	42K04	2	10 (A401)	ĐHKHT
322	191421	Vũ Thị	25/08/2004	221120913235	Nghệ An	48K13.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
323	191422	Trịnh Thị Hà	14/12/2000	181121006125	Hà Tĩnh	44K06.1	2	10 (A401)	ĐHKHT
324	191423	Lê Nguyễn	03/03/2003	211121723226	Đà Nẵng	47K23.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
325	191424	Nguyễn Diệu	08/06/2003	211121006244	Gia Lai	47K06.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
326	191425	Nguyễn Thị Phương	30/12/2003	211124008235	Nghệ An	47K08.2	2	10 (A401)	ĐHKHT
327	191426	Trần Phước	09/08/2004	221120919148	Đà Nẵng	48K19	2	10 (A401)	ĐHKHT
328	191427	Bùi Anh	27/04/2003	211120919156	Nghệ An	47K19	2	10 (A401)	ĐHKHT
329	191428	Nguyễn Thị Mỹ	03/10/2003	211124022250	Quảng Nam	47K22.2	2	11 (A402)	ĐHKHT
330	191429	Nguyễn Quế	24/12/2004	221120913251	Đà Nẵng	48K13.2	2	11 (A402)	ĐHKHT
331	191430	Nguyễn Thị Huyền	01/03/2000	181121104150	Quảng Nam	44K04	2	11 (A402)	ĐHKHT
332	191431	Lê Đăng Anh	06/02/2004	221121006253	Hà Tĩnh	48K06.2	2	11 (A402)	ĐHKHT
333	191432	Bùi Thị	15/04/2005	3220123001		23STH1	2	11 (A402)	ĐHSP
334	191433	Nguyễn Thị Hoài	23/07/2004	3220122002		22STH2	2	11 (A402)	ĐHSP
335	191434	Bùi Lan	11/04/2004	3190122001		22SDL	2	11 (A402)	ĐHSP
336	191435	Lê Thị Kim	02/09/2005	3110123001		23ST1	2	11 (A402)	ĐHSP
337	191436	Ngô Ngọc	19/09/2005	3140723004		23SKT1	2	11 (A402)	ĐHSP
338	191437	Nguyễn Thị Lan	26/01/2006	3220124011		24STH4	2	11 (A402)	ĐHSP
339	191438	Phạm Quỳnh	28/12/2003	3180221320		21CVNH1	2	11 (A402)	ĐHSP
340	191439	Tô Phương	06/02/2004	3220122016		22STH1	2	11 (A402)	ĐHSP
341	191440	Trần Lan	31/07/2005	3220123022		23STH5	2	11 (A402)	ĐHSP
342	191441	Trần Quỳnh	02/07/2005	3190123002		23SDL	2	11 (A402)	ĐHSP
343	191442	Trần Thị Hồng	17/06/2005	3220123030		23STH7	2	11 (A402)	ĐHSP
344	191443	Trần Thị Mai	21/10/2003	3160622004		22SGT	2	11 (A402)	ĐHSP
345	191444	Dương Lê Ngọc	16/08/2004	3110122002		22ST2	2	11 (A402)	ĐHSP
346	191445	Lê Thị Ngọc	16/08/2003	3230121043		21SMN4	2	11 (A402)	ĐHSP
347	191446	Ngô Thị Thu	20/10/2005	3110123005		23ST1	2	11 (A402)	ĐHSP
348	191447	Nguyễn Xuân	11/10/2005	3140723005		23SKT1	2	11 (A402)	ĐHSP
349	191448	Dương Quốc	18/05/2003	3200421003		21CTLC	2	11 (A402)	ĐHSP
350	191449	Lê Nguyên	12/11/2004	3130122003		22SVL	2	11 (A402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
351	191450	Lê Trương Gia Bảo	20/04/2002	3120221006		21CNTT1	2	11 (A402)	ĐHSP
352	191451	Mai Thị Ngọc Bích	21/01/2004	3160522005		22SCD	2	11 (A402)	ĐHSP
353	191452	Đinh Thị Bình	21/07/2005	3230123015		23SMN3	2	11 (A402)	ĐHSP
354	191453	Huỳnh Đăng Thị Thái Bình	03/11/2004	3170422003		22CBC1	2	11 (A402)	ĐHSP
355	191454	Nguyễn Thị Cẩm Bình	22/02/2004	3230122007		22SMN1	2	11 (A402)	ĐHSP
356	191455	Phạm Thị Thanh Bình	04/01/2004	3180222007		22CVNH2	2	11 (A402)	ĐHSP
357	191456	Đỗ Thị Nguyệt Châu	09/06/2005	3220223005		23STC	2	12 (A403)	ĐHSP
358	191457	Nguyễn Ngọc Châu	24/12/2000	3190118004		18SDL	2	12 (A403)	ĐHSP
359	191458	Lê Thị Linh Chi	25/09/2004	3180722007		22SLD1	2	12 (A403)	ĐHSP
360	191459	Nguyễn Thị Khánh Chi	31/10/2005	3180223012		23CVNH2	2	12 (A403)	ĐHSP
361	191460	Phạm Thị Hiền Chi	05/02/2005	3170223004		23CVH	2	12 (A403)	ĐHSP
362	191461	Phan Cẩm Chi	29/02/2004	3180222011		22CVNH1	2	12 (A403)	ĐHSP
363	191462	Nguyễn Minh Chiến	19/02/2003	3130122006		22SVL	2	12 (A403)	ĐHSP
364	191463	Phạm Văn Chiến	14/12/2002	3190123007		23SDL	2	12 (A403)	ĐHSP
365	191464	Trần Duy Chương	13/09/1999	3120417002		17CNTTC	2	12 (A403)	ĐHSP
366	191465	Lê Hiếu Đan	30/03/2004	3160522009		22SCD	2	12 (A403)	ĐHSP
367	191466	Nguyễn Duy Đăng	03/03/2006	3220124039		24STH4	2	12 (A403)	ĐHSP
368	191467	Phạm Thị Diễm	27/03/2004	3150122006		22SS	2	12 (A403)	ĐHSP
369	191468	Hoàng Thị Huyền Diệu	09/07/2004	3110122010		22ST2	2	12 (A403)	ĐHSP
370	191469	Lương Quang Đồng	11/10/2006	3110124013		24ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
371	191470	Nguyễn Văn Dư	26/03/2004	3160422008		22SAN	2	12 (A403)	ĐHSP
372	191471	Lê Hoàng Đức	11/04/2004	3160422009		22SAN	2	12 (A403)	ĐHSP
373	191472	Nguyễn Đức	09/04/2003	3160622006		22SGT	2	12 (A403)	ĐHSP
374	191473	Nguyễn Viết Đức	07/05/2005	3110123013		23ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
375	191474	Phạm Sĩ Anh Đức	23/01/2003	3130122010		22SVL	2	12 (A403)	ĐHSP
376	191475	Phạm Thành Đức	17/03/1999	3120217021		17CNTT1	2	12 (A403)	ĐHSP
377	191476	Trần Thị Hoàng Dung	28/01/2004	3180222018		22CVNH2	2	12 (A403)	ĐHSP
378	191477	Nguyễn Lê Khánh Dực	26/05/2004	3170122019		22SNV2	2	12 (A403)	ĐHSP
379	191478	Châu Thị Thùy Dương	18/02/2004	3110122012		22ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
380	191479	Nguyễn Thị Thuý Dương	08/10/2003	3230122016		22SMN2	2	12 (A403)	ĐHSP
381	191480	Lê Mỹ Duyên	06/06/2004	3200322010		22CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
382	191481	Nguyễn Tôn Thùy Duyên	23/02/2005	3110123017		23ST1	2	12 (A403)	ĐHSP
383	191482	Trần Phạm Thùy Duyên	02/06/2004	3200322011		22CTXH	2	12 (A403)	ĐHSP
384	191483	Văn Lương Ngọc Duyên	05/11/2004	3140722020		22SKT1	2	12 (A403)	ĐHSP
385	191484	Nguyễn Hà Giang	11/06/2003	3120421003		21CNTTC	2	13 (B401)	ĐHSP
386	191485	Nguyễn Thị Trà Giang	10/11/2004	3180222023		22CVNH1	2	13 (B401)	ĐHSP
387	191486	Nguyễn Thị Trà Giang	15/07/2004	3140122013		22SHH	2	13 (B401)	ĐHSP
388	191487	Phan Thị Hương Giang	25/09/2006	3220124059		24STH4	2	13 (B401)	ĐHSP
389	191488	Trần Hương Giang	19/10/2004	3200322014		22CTXH	2	13 (B401)	ĐHSP
390	191489	Võ Thị Thanh Giang	07/05/2005	3110123019		23ST1	2	13 (B401)	ĐHSP
391	191490	Đặng Thị Hà	01/01/2004	3130122013		22SVL	2	13 (B401)	ĐHSP
392	191491	Lê Thị Thúy Hà	19/11/2005	3110123021		23ST2	2	13 (B401)	ĐHSP
393	191492	Trần Thị Thu Hà	29/06/2005	3230123035		23SMN3	2	13 (B401)	ĐHSP
394	191493	Trần Thu Hà	17/10/2001	3200419005		19CTLC	2	13 (B401)	ĐHSP
395	191494	Đinh Hữu Hân	17/01/2005	3190423017		23CDDL	2	13 (B401)	ĐHSP
396	191495	Lê Thanh Hằng	10/08/2004	3110122016		22ST1	2	13 (B401)	ĐHSP
397	191496	Lương Thị Thanh Hằng	11/09/2004	3230122032		22SMN2	2	13 (B401)	ĐHSP
398	191497	Nguyễn Thị Hằng	21/03/2004	3220122073		22STH2	2	13 (B401)	ĐHSP
399	191498	Nguyễn Phương Diễm Hạnh	31/08/2005	3230123043		23SMN3	2	13 (B401)	ĐHSP
400	191499	Vũ Văn Hạnh	25/10/2004	3190122014		22SDL	2	13 (B401)	ĐHSP
401	191500	Nguyễn Hải Hậu	02/11/2004	3170122034		22SNV2	2	13 (B401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
402	191501	Nguyễn Thị	Hậu	15/01/2004	3190122015		22SDL	2	13 (B401)	ĐHSP
403	191502	Trương Hùng	Hậu	23/06/2004	3190422018		22CDDL	2	13 (B401)	ĐHSP
404	191503	Bùi Xuân	Hiên	13/11/2004	3110122020		22ST1	2	13 (B401)	ĐHSP
405	191504	Lê Thu	Hiên	26/09/2004	3190122016		22SDL	2	13 (B401)	ĐHSP
406	191505	Võ Thị Thanh	Hiên	02/06/2005	3110123031		23ST2	2	13 (B401)	ĐHSP
407	191506	Dương Thế	Hiên	19/04/2001	3120419005		19CNTTC	2	13 (B401)	ĐHSP
408	191507	Phạm Thị	Hiệp	06/08/2003	3220121406		21STH4	2	13 (B401)	ĐHSP
409	191508	Dương Thị Thu	Hiếu	26/06/2004	3230122041		22SMN2	2	13 (B401)	ĐHSP
410	191509	Nguyễn Thị Ngọc	Hòa	07/11/2004	3140122019		22SHH	2	13 (B401)	ĐHSP
411	191510	Nguyễn Thùy Phúc	Hòa	17/11/2005	3110123034		23ST2	2	13 (B401)	ĐHSP
412	191511	Nguyễn Thị	Hoài	07/07/2004	3220122091		22STH3	2	13 (B401)	ĐHSP
413	191512	Huỳnh Tấn	Hoàng	12/01/2000	3120218058		18CNTT2	2	14 (B402)	ĐHSP
414	191513	Nguyễn Huy	Hoàng	05/02/2005	3190123019		23SDL	2	14 (B402)	ĐHSP
415	191514	Trình Huy	Hoàng	13/11/2004	3160422018		22SAN	2	14 (B402)	ĐHSP
416	191515	Ngô Thị	Hồng	20/03/2004	3230122043		22SMN2	2	14 (B402)	ĐHSP
417	191516	Trần Thị Kim	Hồng	03/12/2003	3150421040		21CNSH	2	14 (B402)	ĐHSP
418	191517	Võ Thị Lam	Hồng	12/12/2004	3230123054		23SMN2	2	14 (B402)	ĐHSP
419	191518	Lê Khánh	Hưng	27/04/2004	3140322017		22CHD	2	14 (B402)	ĐHSP
420	191519	Nguyễn Phạm Hồng	Hưng	27/05/2004	3140122021		22SHH	2	14 (B402)	ĐHSP
421	191520	Nguyễn Trần Thúy	Hương	24/03/2004	3160522017		22SCD	2	14 (B402)	ĐHSP
422	191521	Trần Thị Thu	Hương	05/09/2004	3180222037		22CVNH1	2	14 (B402)	ĐHSP
423	191522	Nguyễn Thị Thu	Hường	27/03/2005	3230123062		23SMN2	2	14 (B402)	ĐHSP
424	191523	Đào Huỳnh Nhật	Huy	26/11/2004	3140122022		22SHH	2	14 (B402)	ĐHSP
425	191524	Đỗ Mai Hoàng	Huy	16/10/2004	3140322018		22CHD	2	14 (B402)	ĐHSP
426	191525	Lê Ngọc	Huy	02/12/2001	3120419012		19CNTTC	2	14 (B402)	ĐHSP
427	191526	Lù Quang	Huy	05/11/2005	3110123042		23ST2	2	14 (B402)	ĐHSP
428	191527	Nguyễn Gia	Huy	08/05/2002	3200220064		20CTL1	2	14 (B402)	ĐHSP
429	191528	Phạm Văn Công	Huy	24/11/2004	3110122035		22ST1	2	14 (B402)	ĐHSP
430	191529	Đậu Thị	Huyền	24/03/2004	3130122025		22SVL	2	14 (B402)	ĐHSP
431	191530	Hoàng Thị	Huyền	25/11/2004	3190122022		22SDL	2	14 (B402)	ĐHSP
432	191531	Lương Thị Khánh	Huyền	13/01/2004	3220122109		22STH1	2	14 (B402)	ĐHSP
433	191532	Ngô Lê Thanh	Huyền	02/11/2005	3170123044		23SNV1	2	14 (B402)	ĐHSP
434	191533	Trần Thị	Huyền	10/10/2003	3190122024		22SDL	2	14 (B402)	ĐHSP
435	191534	Trần Thị Khánh	Huyền	14/07/2005	3170223023		23CVH	2	14 (B402)	ĐHSP
436	191535	Đào Thế	Huỳnh	18/11/2000	3120218075		18CNTT1	2	14 (B402)	ĐHSP
437	191536	Cao Như	Huỳnh	04/02/2004	3200222039		22CTL	2	14 (B402)	ĐHSP
438	191537	Lê Khang	Hy	08/08/2004	3140322019		22CHD	2	14 (B402)	ĐHSP
439	191538	Nguyễn Đình	Khang	31/08/2003	3130122026		22SVL	2	14 (B402)	ĐHSP
440	191539	Trương Chí	Khang	15/09/2005	3240423022		23SAN	2	14 (B402)	ĐHSP
441	191540	Lê Hùng	Khương	05/07/2004	3160422023		22SAN	2	15 (B403)	ĐHSP
442	191541	Dương Thị Thúy	Kiều	28/03/2003	3220122118		22STH4	2	15 (B403)	ĐHSP
443	191542	Phạm Thị Thúy	Kiều	16/07/2003	3160121024		21SGC	2	15 (B403)	ĐHSP
444	191543	Phan Thị	Kiều	08/07/2004	3130122027		22SVL	2	15 (B403)	ĐHSP
445	191544	Hoàng Thị	Lan	07/12/2005	3140723033		23SKT1	2	15 (B403)	ĐHSP
446	191545	Huỳnh Y Tuyết	Lan	13/07/2004	3130122029		22SVL	2	15 (B403)	ĐHSP
447	191546	Khương Thị Phương	Lan	08/03/2004	3230122053		22SMN2	2	15 (B403)	ĐHSP
448	191547	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/04/2003	3220121092		21STH9	2	15 (B403)	ĐHSP
449	191548	Phan Thị	Lê	21/02/2004	3150122009		22SS	2	15 (B403)	ĐHSP
450	191549	Nguyễn Thị Ngọc	Lên	15/07/2004	3180222049		22CVNH2	2	15 (B403)	ĐHSP
451	191550	Đặng Kiều Ngọc	Linh	04/07/2004	3190422029		22CDDL	2	15 (B403)	ĐHSP
452	191551	Đỗ Thị Diệu	Linh	21/10/2004	3110122041		22ST1	2	15 (B403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
453	191552	Hoàng Văn Linh	06/09/2003	3200321077		21CTXH	2	15 (B403)	ĐHSP
454	191553	Lê Thị Mỹ	05/12/2004	3120222064		22CNTT2	2	15 (B403)	ĐHSP
455	191554	Lê Thị Thùy	25/02/2005	3180123010		23SLS	2	15 (B403)	ĐHSP
456	191555	Lê Trần Khánh	24/10/2001	3200419012		19CTLC	2	15 (B403)	ĐHSP
457	191556	Lương Khánh	29/10/2004	3180722036		22SLD1	2	15 (B403)	ĐHSP
458	191557	Nguyễn Đỗ Thùy	09/06/2004	3180222050		22CVNH1	2	15 (B403)	ĐHSP
459	191558	Nguyễn Thị Khánh	13/09/2003	3130122031		22SVL	2	15 (B403)	ĐHSP
460	191559	Nguyễn Thị Phương	26/07/2004	3180222052		22CVNH1	2	15 (B403)	ĐHSP
461	191560	Phạm Thị Ngọc	25/11/2002	3200220069		20CTL2	2	15 (B403)	ĐHSP
462	191561	Phạm Thị Phương	12/08/2006	3120224087		24CNTT2	2	15 (B403)	ĐHSP
463	191562	Trương Thị Khánh	28/08/2004	3170222032		22CVH	2	15 (B403)	ĐHSP
464	191563	Rơ Mah H'	Lựa	02/11/2005		23SAN	2	15 (B403)	ĐHSP
465	191564	Đỗ Nguyễn Hoàng	Lưu	21/12/2003		21CTL2	2	15 (B403)	ĐHSP
466	191565	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	20/12/2005		23STH4	2	15 (B403)	ĐHSP
467	191566	Đỗ Thị Mỹ	Ly	07/09/2005		23SNV2	2	15 (B403)	ĐHSP
468	191567	Nguyễn Trúc	Ly	06/06/2004		22CVNH1	2	15 (B403)	ĐHSP
469	191568	Phan Thị Trà	Ly	07/02/2004		22SNV2	2	16 (C402)	ĐHSP
470	191569	Võ Hồng Quỳnh	Ly	06/08/2002		20SNV2	2	16 (C402)	ĐHSP
471	191570	Võ Thị	Ly	06/04/2004		22STH2	2	16 (C402)	ĐHSP
472	191571	Hồ Thị Xuân	Mai	31/08/2004		22SGC	2	16 (C402)	ĐHSP
473	191572	Lê Thị Xuân	Mai	26/01/2006		24SKT2	2	16 (C402)	ĐHSP
474	191573	Nguyễn Thị	Mai	25/08/2004		22SNV1	2	16 (C402)	ĐHSP
475	191574	Nguyễn Thị Xuân	Mai	06/02/2005		23SMN3	2	16 (C402)	ĐHSP
476	191575	Trương Thị Sao	Mai	16/12/2005		23SNV2	2	16 (C402)	ĐHSP
477	191576	Nguyễn Thị Hoài	Minh	21/03/2004		22CVNH1	2	16 (C402)	ĐHSP
478	191577	Phạm Mẫn	Minh	18/03/2005		23ST1	2	16 (C402)	ĐHSP
479	191578	Nguyễn Thị Hòa	My	19/05/2004		22CTM	2	16 (C402)	ĐHSP
480	191579	Phạm Huỳnh Thị Trà	My	27/04/2005		23SMN3	2	16 (C402)	ĐHSP
481	191580	Trần Trà	My	11/01/2004		22SCD	2	16 (C402)	ĐHSP
482	191581	Nguyễn Lê Ly	Na	11/06/2004		22SS	2	16 (C402)	ĐHSP
483	191582	Phan Nhật	Nam	29/12/2004		22SHH	2	16 (C402)	ĐHSP
484	191583	Y Ly	Nâng	21/11/2003		22SMN2	2	16 (C402)	ĐHSP
485	191584	Đặng Thị Hằng	Nga	21/02/2005		23ST2	2	16 (C402)	ĐHSP
486	191585	Đỗ Thị Thúy	Nga	15/10/2004		22ST2	2	16 (C402)	ĐHSP
487	191586	Lê Trần Kim	Ngân	01/02/2004		22CTXH	2	16 (C402)	ĐHSP
488	191587	Nguyễn Hồng	Ngân	01/10/2005		23SKT1	2	16 (C402)	ĐHSP
489	191588	Nguyễn Minh	Ngân	25/12/2004		22STH2	2	16 (C402)	ĐHSP
490	191589	Phan Thị Kim	Ngân	08/11/2004		22SKT2	2	16 (C402)	ĐHSP
491	191590	Trần Trung	Nghĩa	19/06/2004		22ST2	2	16 (C402)	ĐHSP
492	191591	Huỳnh Bá Diệu	Ngọc	29/06/2004		22CVNH2	2	16 (C402)	ĐHSP
493	191592	Lê Thị Bích	Ngọc	13/04/2004		22SHH	2	16 (C402)	ĐHSP
494	191593	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	10/07/2005		23CBC1	2	16 (C402)	ĐHSP
495	191594	Phạm Minh	Ngọc	18/10/2005		23SKT1	2	16 (C402)	ĐHSP
496	191595	Trần Thị Kim	Ngọc	26/09/2004		22SDL	2	16 (C402)	ĐHSP
497	191596	Trịnh Ngọc Bảo	Ngọc	20/10/2003		22SVL	2	17 (C401)	ĐHSP
498	191597	Lê Phạm Khánh	Nguyên	23/10/2003		21CVH	2	17 (C401)	ĐHSP
499	191598	Nguyễn Dương	Nguyên	08/02/2002		22SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP
500	191599	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	05/10/2002		22CTXH	2	17 (C401)	ĐHSP
501	191600	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/04/2004		22SCD	2	17 (C401)	ĐHSP
502	191601	Trương Thị Ánh	Nguyệt	23/09/2004		22CVNH2	2	17 (C401)	ĐHSP
503	191602	Lưu Thị Hải	Nhật	19/01/2004		22SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
504	191603	Nguyễn Bảo Nhi	04/11/2005	3110123070		23ST2	2	17 (C401)	ĐHSP
505	191604	Phạm Uyên Nhi	22/01/2004	3180222082		22CVNH2	2	17 (C401)	ĐHSP
506	191605	Phan Thị Xuân Nhi	30/08/2005	3200223080		23CTL2	2	17 (C401)	ĐHSP
507	191606	Trần Nguyễn Yến Nhi	01/01/2005	3230123119		23SMN3	2	17 (C401)	ĐHSP
508	191607	Vô Thị Hà Nhi	16/07/2005	3140723071		23SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP
509	191608	Đặng Thị Nhó	04/09/2005	3200223085		23CTL2	2	17 (C401)	ĐHSP
510	191609	Hoàng Thị Quỳnh Như	16/07/2004	3220123274		23STH2	2	17 (C401)	ĐHSP
511	191610	Nguyễn Thị Ngọc Như	16/07/2003	3140122030		22SHH	2	17 (C401)	ĐHSP
512	191611	Đường Thị Cẩm Nhung	27/10/2005	3170123087		23SNV1	2	17 (C401)	ĐHSP
513	191612	Lê Thị Thùy Nhung	08/05/2004	3230122090		22SMN2	2	17 (C401)	ĐHSP
514	191613	Nguyễn Hồng Nhung	22/10/2005	3220123279		23STH6	2	17 (C401)	ĐHSP
515	191614	Nguyễn Hồng Nhung	05/04/2005	3220123280		23STH1	2	17 (C401)	ĐHSP
516	191615	Nguyễn Thị Nhung	05/01/2003	3220121607		21STH3	2	17 (C401)	ĐHSP
517	191616	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/07/2001	3170219058		19CVH	2	17 (C401)	ĐHSP
518	191617	Nguyễn Thị Huynh Nhung	14/07/2005	3220223044		23STC	2	17 (C401)	ĐHSP
519	191618	Lương Thị Trà Ni	14/02/2004	3160522036		22SCD	2	17 (C401)	ĐHSP
520	191619	Alăng Thị Niên	12/01/2003	3220121614		21STH4	2	17 (C401)	ĐHSP
521	191620	Phạm Thị Tố Nữ	19/06/2004	3220122210		22STH5	2	17 (C401)	ĐHSP
522	191621	Đỗ Thị Minh Oanh	03/11/2003	3200221215		21CTL2	2	17 (C401)	ĐHSP
523	191622	Mai Thị Diệu Oanh	13/06/2005	3160523028		23SCD	2	17 (C401)	ĐHSP
524	191623	Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/04/2004	3220122216		22STH5	2	17 (C401)	ĐHSP
525	191624	Nhan Thị Hoàng Oanh	02/04/2005	3170123090		23SNV2	2	17 (C401)	ĐHSP
526	191625	Hồ Lê Mỹ Phúc	17/08/2003	3170221018		21CVH	2	17 (C401)	ĐHSP
527	191626	Trần Mai An Phúc	23/01/2004	3170122084		22SNV1	2	17 (C401)	ĐHSP
528	191627	Trần Minh Phúc	22/08/2000	3120419017		19CNTTC	2	17 (C401)	ĐHSP
529	191628	Trần Thị Diễm Phúc	26/05/2004	3160422040		22SAN	2	17 (C401)	ĐHSP
530	191629	Hoàng Thị Kim Phụng	10/02/2004	3120222106		22CNTT1	2	17 (C401)	ĐHSP
531	191630	Phùng Trần Thu Phương	30/06/2004	3230122165		22SMN1	2	17 (C401)	ĐHSP
532	191631	Trần Nguyễn Nhật Phương	16/06/2005	3220123298		23STH4	2	17 (C401)	ĐHSP
533	191632	Văn Thanh Phương	11/04/2005	3140723077		23SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP
534	191633	Huỳnh Thị Bích Phượng	17/09/2005	3230123133		23SMN1	2	17 (C401)	ĐHSP
535	191634	Trần Thị Bích Phượng	28/06/2004	3230122102		22SMN3	2	17 (C401)	ĐHSP
536	191635	Đặng Như Quân	04/11/2004	3190422053		22CDDL	2	17 (C401)	ĐHSP
537	191636	Vô Văn Quân	01/05/2006	3110124059		24ST1	2	17 (C401)	ĐHSP
538	191637	Ngô Văn Quốc	14/03/2004	3180222101		22CVNH2	2	17 (C401)	ĐHSP
539	191638	Vô Hoàng Quốc	06/01/2004	3160422044		22SAN	2	17 (C401)	ĐHSP
540	191639	Lê Thị Mỹ Quyên	04/08/2002	3230120222		20SMN3	2	17 (C401)	ĐHSP
541	191640	Ngô Thị Như Quỳnh	13/06/2003	3160521089		21SCD	2	17 (C401)	ĐHSP
542	191641	Nguyễn Lê Hương Quỳnh	30/05/2004	3220122224		22STH1	2	17 (C401)	ĐHSP
543	191642	Trần Thị Quỳnh	30/04/2004	3220123306		23STH2	2	17 (C401)	ĐHSP
544	191643	Trịnh Ngọc Như Quỳnh	13/04/2005	3230123142		23SMN2	2	17 (C401)	ĐHSP
545	191644	Hồ Đan Sha	07/04/2005	3220123310		23STH5	2	17 (C401)	ĐHSP
546	191645	Thái Nguyễn Sơn	27/07/2005	3240423050		23SAN	2	17 (C401)	ĐHSP
547	191646	Nguyễn Văn Sỹ	22/12/2002	3180620008		20CVNHC	2	17 (C401)	ĐHSP
548	191647	Hà Anh Tài	03/07/2000	3170618012		18CBCC	2	17 (C401)	ĐHSP
549	191648	Hồ Lê Thanh Tâm	31/05/2004	3180222105		22CVNH2	2	18 (C404)	ĐHSP
550	191649	Lê Thị Thảo Tâm	13/08/2002	3200220081		20CTL1	2	18 (C404)	ĐHSP
551	191650	Trần Vũ Minh Tâm	01/09/2005	3220123312		23STH6	2	18 (C404)	ĐHSP
552	191651	Nguyễn Phú Tân	13/06/2003	3140722083		22SKT1	2	18 (C404)	ĐHSP
553	191652	Nguyễn Khắc Tấn	18/05/2004	3120222119		22CNTT2	2	18 (C404)	ĐHSP
554	191653	Ta Cooi Táo	10/01/2003	3160121043		21SGC	2	18 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
555	191654	Đặng Vĩ	Thái	19/10/2003	3130322006	22CVK	2	18 (C404)	ĐHSP
556	191655	Nguyễn Thị	Thắm	20/04/2005	3220123317	23STH6	2	18 (C404)	ĐHSP
557	191656	Trần Thị Hồng	Thắm	02/09/2005	3220123315	23STH1	2	18 (C404)	ĐHSP
558	191657	Đỗ Phan Thanh	Thanh	29/07/2004	3150122022	22SS	2	18 (C404)	ĐHSP
559	191658	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	24/02/2005	3160523052	23SCD	2	18 (C404)	ĐHSP
560	191659	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	02/01/2004	3200322045	22CTXH	2	18 (C404)	ĐHSP
561	191660	Trần Vũ Văn	Thanh	02/07/2005	3160523030	23SCD	2	18 (C404)	ĐHSP
562	191661	Hồ Huy	Thành	27/01/2005	3170423102	23CBC2	2	18 (C404)	ĐHSP
563	191662	Brôl Thị	Thảo	26/04/2002	3230123151	23SMN3	2	18 (C404)	ĐHSP
564	191663	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/05/2005	3140723089	23SKT2	2	18 (C404)	ĐHSP
565	191664	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	04/02/2004	3190122043	22SDL	2	18 (C404)	ĐHSP
566	191665	Văn Thị Hiền	Thảo	08/08/2004	3150122024	22SS	2	18 (C404)	ĐHSP
567	191666	Vô Thị Như	Thảo	01/06/2004	3140722091	22SKT1	2	18 (C404)	ĐHSP
568	191667	Huỳnh Thị Cẩm	Thi	20/03/2004	3180722090	22SLD2	2	18 (C404)	ĐHSP
569	191668	Nguyễn Anh	Thi	26/04/2004	3180222116	22CVNH1	2	18 (C404)	ĐHSP
570	191669	Hà Đỗ Ngọc	Thịnh	30/08/2001	3120519054	19CNTTD	2	18 (C404)	ĐHSP
571	191670	Nguyễn Hoàng Xuân	Thơ	31/12/2003	3200221247	21CTL1	2	18 (C404)	ĐHSP
572	191671	Nguyễn Đình Minh	Thông	18/06/2000	3120218183	18CNTT2	2	18 (C404)	ĐHSP
573	191672	Đỗ Anh	Thư	17/05/2004	3140322037	22CHD	2	18 (C404)	ĐHSP
574	191673	Lê Anh	Thư	03/04/2004	3200322046	22CTXH	2	18 (C404)	ĐHSP
575	191674	Lê Mạc Minh	Thư	09/01/2004	3140722093	22SKT2	2	18 (C404)	ĐHSP
576	191675	Nguyễn Anh	Thư	07/09/2005	3220123343	23STH5	2	18 (C404)	ĐHSP
577	191676	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/10/2003	3230122119	22SMN2	2	18 (C404)	ĐHSP
578	191677	Phan Thị Ngọc	Thư	10/05/2004	3140722094	22SKT2	2	18 (C404)	ĐHSP
579	191678	Trần Thị Anh	Thư	16/09/2005	3220123349	23STH5	2	18 (C404)	ĐHSP
580	191679	Vô Hoài Anh	Thư	13/08/2004	3160122026	22SGC	2	18 (C404)	ĐHSP
581	191680	Trần Thị Hạnh	Thục	28/11/2006	3110124069	24ST1	2	18 (C404)	ĐHSP
582	191681	Lê Thị	Thương	24/03/2002	3120222131	22CNTT2	2	18 (C404)	ĐHSP
583	191682	Nguyễn Thị	Thương	10/03/2004	3110122085	22ST1	2	18 (C404)	ĐHSP
584	191683	Vô Thị	Thương	21/10/2004	3230122125	22SMN1	2	18 (C404)	ĐHSP
585	191684	Hồ Thị	Thường	25/11/2004	3220122270	22STH1	2	18 (C404)	ĐHSP
586	191685	Lý Nguyễn Ngọc	Thuyền	28/11/1999	3200217097	17CTL2	2	18 (C404)	ĐHSP
587	191686	Nguyễn Thị	Thuyền	08/01/2004	3180222134	22CVNH2	2	18 (C404)	ĐHSP
588	191687	Hà Phương	Thuyền	10/06/2004	3130122050	22SVL	2	18 (C404)	ĐHSP
589	191688	Vô Thị Thu	Thuyền	27/06/2005	3230123168	23SMN3	2	18 (C404)	ĐHSP
590	191689	Đinh Thị Thu	Thuyền	10/11/2004	3170422087	22CBC2	2	18 (C404)	ĐHSP
591	191690	Nguyễn Thị	Thuyền	01/07/2004	3160522048	22SCD	2	18 (C404)	ĐHSP
592	191691	Nguyễn Thị Kim	Thuyền	27/02/2004	3140722099	22SKT1	2	18 (C404)	ĐHSP
593	191692	Nguyễn Thị Lệ	Thuyền	10/05/2004	3180222136	22CVNH2	2	18 (C404)	ĐHSP
594	191693	Ngô Thị Thủy	Tiên	19/06/2003	3230121228	21SMN2	2	18 (C404)	ĐHSP
595	191694	Trương Thủy	Tiên	15/09/2004	3140122049	22SHH	2	18 (C404)	ĐHSP
596	191695	Đỗ Nhật	Tiến	02/08/2003	3120221297	21CNTT3	2	18 (C404)	ĐHSP
597	191696	Lê Thị Minh	Tính	17/08/2004	3150122028	22SS	2	18 (C404)	ĐHSP
598	191697	Trần Văn	Toán	10/10/2002	3160422054	22SAN	2	18 (C404)	ĐHSP
599	191698	Bling Thị Hương	Trà	01/05/2005	3220123363	23STH3	2	18 (C404)	ĐHSP
600	191699	Hồ Thị Bích	Trà	04/10/2004	3160522050	22SCD	2	18 (C404)	ĐHSP
601	191700	Lê Thị Hồng	Trâm	14/04/2004	3230122130	22SMN2	2	19 (A201)	ĐHSP
602	191701	Nguyễn Bùi Ngọc	Trâm	10/02/2005	3220123369	23STH2	2	19 (A201)	ĐHSP
603	191702	Trương Huyền	Trâm	14/08/2004	3110122088	22ST1	2	19 (A201)	ĐHSP
604	191703	Dương Thị Huyền	Trang	17/07/2005	3140723108	23SKT2	2	19 (A201)	ĐHSP
605	191704	Lê Thị Thủy	Trang	04/01/2006	3110124072	24ST1	2	19 (A201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
606	191705	Phan Thái Phương	Trang	26/02/2005	3180723111	23SLD1	2	19 (A201)	ĐHSP
607	191706	Phan Thị Thuỳ	Trang	06/02/2004	3150122030	22SS	2	19 (A201)	ĐHSP
608	191707	Quách Thị Huyền	Trang	07/02/2005	3190123048	23SDL	2	19 (A201)	ĐHSP
609	191708	Trần Thị Như	Trang	18/09/2005	3140723109	23SKT2	2	19 (A201)	ĐHSP
610	191709	Nguyễn Thị	Trình	01/06/2004	3200222090	22CTL	2	19 (A201)	ĐHSP
611	191710	Nguyễn Thị	Trình	14/10/2005	3220123394	23STH2	2	19 (A201)	ĐHSP
612	191711	Trương Phương	Trình	12/12/2004	3180722105	22SLD1	2	19 (A201)	ĐHSP
613	191712	Bhling Thị	Trình	30/07/2004	3160422057	22SAN	2	19 (A201)	ĐHSP
614	191713	Phạm Ngọc	Trọng	03/10/2003	3120221493	21CNTT1	2	19 (A201)	ĐHSP
615	191714	Ngô Thanh	Trúc	01/09/2004	3130122054	22SVL	2	19 (A201)	ĐHSP
616	191715	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	06/10/2005	3190123051	23SDL	2	19 (A201)	ĐHSP
617	191716	Trần Lê Thanh	Trúc	07/10/2004	3230122143	22SMN3	2	19 (A201)	ĐHSP
618	191717	Trần Thị Thanh	Trúc	04/10/2005	3190123052	23SDL	2	19 (A201)	ĐHSP
619	191718	Văn Thị Xuân	Trúc	19/12/2004	3200222092	22CTL	2	19 (A201)	ĐHSP
620	191719	Cù Huy	Tuấn	14/11/2005	3110123102	23ST1	2	19 (A201)	ĐHSP
621	191720	Huỳnh Hữu	Tuấn	19/08/2004	3110122095	22ST2	2	19 (A201)	ĐHSP
622	191721	Nguyễn Thanh	Tùng	08/03/2002	3170620023	20CBCC	2	19 (A201)	ĐHSP
623	191722	Lê Khánh	Tuyền	02/02/2004	3180722106	22SLD2	2	19 (A201)	ĐHSP
624	191723	Lê Thanh	Tuyền	21/04/2004	3160122028	22SGC	2	19 (A201)	ĐHSP
625	191724	Bùi Thị	Tuyết	10/03/2003	3230121258	21SMN4	2	19 (A201)	ĐHSP
626	191725	Lê Thanh	Tuyết	02/07/2004	3170122114	22SNV1	2	19 (A201)	ĐHSP
627	191726	Trần Thị Thanh	Tuyết	01/12/2004	3140122056	22SHH	2	19 (A201)	ĐHSP
628	191727	Nguyễn Thị Lan	Uyên	19/05/2002	3170620011	20CBCC	2	19 (A201)	ĐHSP
629	191728	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	23/01/2004	3230122149	22SMN2	2	19 (A201)	ĐHSP
630	191729	Trần Bảo	Uyên	01/01/2004	3110122100	22ST1	3	20 (A401)	ĐHSP
631	191730	Võ Nguyễn Trang	Uyên	29/06/2004	3170322066	22CVHH	3	20 (A401)	ĐHSP
632	191731	Hoàng Thị Thùy	Vân	15/02/2004	3170122115	22SNV1	3	20 (A401)	ĐHSP
633	191732	Lê Thị Khánh	Vân	20/12/2003	3220121829	21STH3	3	20 (A401)	ĐHSP
634	191733	Phan Thị Thanh	Vân	04/09/2005	3140723121	23SKT2	3	20 (A401)	ĐHSP
635	191734	Trần Thị Mỹ	Vân	04/02/2003	3170221105	21CVH	3	20 (A401)	ĐHSP
636	191735	Lê Thảo	Vi	01/05/2005	3140723122	23SKT2	3	20 (A401)	ĐHSP
637	191736	Nguyễn Lê Tường	Vi	30/05/2001	3180119055	19SLS	3	20 (A401)	ĐHSP
638	191737	Nguyễn Thị Hà	Vi	22/06/2004	3170123124	23SNV2	3	20 (A401)	ĐHSP
639	191738	Trình Thị Hà	Vi	17/10/2004	3170422098	22CBC2	3	20 (A401)	ĐHSP
640	191739	Hoàng Hoa	Vinh	12/08/2005	3190423088	23CDDL	3	20 (A401)	ĐHSP
641	191740	Trần Thị	Vinh	29/01/2004	3190122061	22SDL	3	20 (A401)	ĐHSP
642	191741	Nguyễn Phi Hoàng	Vũ	09/01/2005	3180723119	23SLD2	3	20 (A401)	ĐHSP
643	191742	Hồ Thị Tường	Vy	25/06/2004	3190122063	22SDL	3	20 (A401)	ĐHSP
644	191743	Lê Thảo	Vy	17/01/2004	3180722115	22SLD2	3	20 (A401)	ĐHSP
645	191744	Lê Thị Tường	Vy	08/08/2005	3230123207	23SMN3	3	20 (A401)	ĐHSP
646	191745	Lê Thị Tường	Vy	30/10/2004	3170322069	22CVHH	3	20 (A401)	ĐHSP
647	191746	Nguyễn Đăng Kha	Vy	26/01/2002	3180220377	20CVNH2	3	20 (A401)	ĐHSP
648	191747	Nguyễn Thị Thanh	Vy	04/11/2004	3230122157	22SMN1	3	20 (A401)	ĐHSP
649	191748	Nguyễn Thị Thảo	Vy	06/11/2005	3230123209	23SMN1	3	20 (A401)	ĐHSP
650	191749	Nguyễn Thị Tường	Vy	14/07/2004	3160422065	22SAN	3	20 (A401)	ĐHSP
651	191750	Phạm Nguyễn Thục	Vy	27/12/2005	3240423067	23SAN	3	20 (A401)	ĐHSP
652	191751	Trần Hoàng	Vy	14/04/2004	3190422082	22CDDL	3	20 (A401)	ĐHSP
653	191752	Võ Ngọc Thảo	Vy	14/10/2004	3140722121	22SKT2	3	20 (A401)	ĐHSP
654	191753	Huỳnh Ngọc	Vỹ	01/01/2002	3170120339	20SNV3	3	20 (A401)	ĐHSP
655	191754	Ngô Thị Như	Ý	03/05/2005	3110123114	23ST1	3	20 (A401)	ĐHSP
656	191755	Trần Thị Như	Ý	05/07/2002	3180620015	20CVNHC	3	20 (A401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
657	191756	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	11/04/2005	3220123435		23STH6	3 20 (A401)	ĐHSP
658	191757	Phạm Thị	Yến	13/03/2005	3180723124		23SLD1	3 21 (A402)	ĐHSP
659	191758	Thái Thị Hải	Yến	18/03/2004	3160522061		22SCD	3 21 (A402)	ĐHSP
660	191759	Y Bảo	Yến	16/07/2005	3230123213		23SMN1	3 21 (A402)	ĐHSP
661	191760	Nguyễn Hữu	An	18/08/2002	2050512200102	Quảng Nam	20D2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
662	191761	Phan Trường	An	31/01/2002	2050441200101	Quảng Nam	20CĐT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
663	191762	Nguyễn Đức	Anh	13/06/2003	21115044120203	Thanh Hóa	21CDT2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
664	191763	Nguyễn Tuấn	Anh	26/06/2003	21115055120103	Hà Tĩnh	21TDH1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
665	191764	Võ Đức	Anh	19/07/2004	22115072122101	Thừa Thiên Huế	22MT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
666	191765	Vũ Tuấn	Anh	15/06/2003	21115044120202	Nghệ An	21CDT2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
667	191766	Nguyễn Phan	Bách	02/08/2004	22115055122103	Quảng Ngãi	22TDH1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
668	191767	Hồ Tuấn	Bảo	19/05/2003	21115041120201	Hà Tĩnh	21C2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
669	191768	Huỳnh Quốc	Bảo	17/12/2002	2050421200106	Quảng Nam	20DL1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
670	191769	Lâm Nhật	Bảo	24/04/2002	2050541200106	Quảng Nam	20DT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
671	191770	Nguyễn Ngọc	Bảo	02/02/2003	21115067121101	Quảng Ngãi	21KT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
672	191771	Nguyễn Trần Hoài	Bảo	26/02/2000	1911504410201	Lâm Đồng	19CDT2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
673	191772	Trịnh Văn	Biển	18/04/2002	2050512200108	Nam Định	20D2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
674	191773	Trương Phước Hòa	Bình	21/01/2002	2050441200107	Quảng Nam	20CDT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
675	191774	Trần Hữu	Cát	22/09/2002	2050421200110	Gia Lai	20DL1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
676	191775	Lê Hữu	Chí	01/07/2003	21115061120103	Quảng Ngãi	21XD1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
677	191776	Nguyễn Đăng	Chiến	22/12/2004	22115053122306	Quảng Nam	22T3	3 21 (A402)	ĐHSPKT
678	191777	Nguyễn Xuân	Chiến	09/02/2003	21115043120168	Nghệ An	21N1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
679	191778	Trịnh Nguyên	Chương	18/09/2003	21115041120203	Quảng Trị	21C2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
680	191779	Bùi Văn Việt	Cường	25/05/2003	21115041120107	Quảng Trị	21C1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
681	191780	Đặng Quốc	Cường	30/09/2003	21115044120104	Quảng Nam	21CDT1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
682	191781	Nguyễn Quốc	Đạt	22/09/2003	21115041120110	Bình Định	21C1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
683	191782	Trần Mạnh Tiến	Đạt	24/05/2003	21115061120206	Quảng Trị	21XD2	3 21 (A402)	ĐHSPKT
684	191783	Trần Văn	Đạt	13/06/2003	21115053120308	Gia Lai	21T3	3 21 (A402)	ĐHSPKT
685	191784	Hoàng Đức	Điền	28/05/2003	21115041120111	Quảng Ngãi	21C1	3 21 (A402)	ĐHSPKT
686	191785	Phan Trung	Điền	27/11/2002	2050512200127	Gia Lai	20D1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
687	191786	Nguyễn Tấn	Điền	25/01/2002	2050421200125	Quảng Ngãi	20DL1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
688	191787	Nguyễn Đình	Đoàn	12/06/2002	2050421200126	Quảng Ngãi	20DL1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
689	191788	Nguyễn Hà	Đông	16/12/2003	21115051220110	Đà Nẵng	21D1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
690	191789	Nguyễn Thanh	Đông	18/06/2003	21115051220111	Quảng Nam	21D1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
691	191790	Võ Ngọc	Đông	17/01/2003	21115061120208	Bình Định	21XD2	3 22 (A403)	ĐHSPKT
692	191791	Trần Xuân	Dự	05/12/2001	2050512200123	Thừa Thiên Huế	20D1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
693	191792	Bùi Đặng Quang	Đức	29/12/2003	21115041120112	Quảng Ngãi	21C1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
694	191793	Cao Đăng	Đức	02/07/2003	21115055120212	Hà Tĩnh	21TDH2	3 22 (A403)	ĐHSPKT
695	191794	Lê Thanh	Đức	07/10/2003	21115044120106	Quảng Ngãi	21CDT1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
696	191795	Lê Việt	Đức	19/10/2001	1911504110105	Quảng Trị	19C1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
697	191796	Nguyễn Văn	Đức	24/11/2002	21115043120107	Nghệ An	21N1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
698	191797	Nguyễn Văn	Đức	26/03/2003	21115043120164	Gia Lai	21N1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
699	191798	Nguyễn Văn	Đức	26/10/2003	21115051220210	Hà Tĩnh	21D3	3 22 (A403)	ĐHSPKT
700	191799	Phan Công Tài	Đức	02/01/2001	1911506110110	Quảng Nam	19XD1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
701	191800	Nguyễn Công	Dũng	16/04/2003	21115067121105	Quảng Nam	21KT1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
702	191801	Thái Bá	Dũng	29/09/2003	21115044120210	Thừa Thiên Huế	21CDT2	3 22 (A403)	ĐHSPKT
703	191802	Đặng Hoàng	Dương	04/10/2003	21115041120115	Quảng Ngãi	21C1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
704	191803	Trương Văn	Dương	08/03/2003	21115051220214	Thừa Thiên Huế	21D3	3 22 (A403)	ĐHSPKT
705	191804	Nguyễn	Duy	26/05/2003	21115055120122	Quảng Trị	21TDH1	3 22 (A403)	ĐHSPKT
706	191805	Nguyễn Đăng	Duy	14/10/2003	21115053120211	Đà Nẵng	21T2	3 22 (A403)	ĐHSPKT
707	191806	Nguyễn Đức	Duy	16/02/2003	22115063122103	Quảng Ngãi	22XC1	3 22 (A403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
708	191807	Nguyễn Lê Duy	20/02/2004	22115041122212	Quảng Ngãi	22C2	3	22 (A403)	ĐHSPKT
709	191808	Trần Khánh Duy	15/06/2003	21115051220215	Đắk Lắk	21D3	3	22 (A403)	ĐHSPKT
710	191809	Nguyễn Quang Hải	12/07/2003	21115054120110	Đà Nẵng	21DT1	3	22 (A403)	ĐHSPKT
711	191810	Nguyễn Hữu Hận	09/07/2003	21115043120113	Quảng Ngãi	21N1	3	22 (A403)	ĐHSPKT
712	191811	Phan Thị Hồng Hạnh	09/09/2003	21115073120105	Đà Nẵng	21HTP1	3	22 (A403)	ĐHSPKT
713	191812	Nguyễn Văn Hậu	15/11/2003	21115055120125	Thừa Thiên Huế	21TDH1	3	22 (A403)	ĐHSPKT
714	191813	Phan Công Hậu	11/09/2001	1911504110214	Quảng Nam	19C2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
715	191814	Trương Thị Hiền	23/11/2003	21115072120102	Quảng Nam	21MT1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
716	191815	Văn Công Hiền	04/01/2003	21115067121106	Quảng Nam	21KT1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
717	191816	Phạm Vinh Hiền	15/02/2002	2050411200126	Quảng Nam	20C1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
718	191817	Đỗ Quang Hiếu	08/05/2003	21115055120126	Quảng Ngãi	21TDH1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
719	191818	Huỳnh Trung Hiếu	20/08/2004	22115041122221	Bình Định	22C2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
720	191819	Nguyễn Hữu Hiếu	08/01/2003	21115044120115	Đà Nẵng	21CDT1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
721	191820	Nguyễn Thế Hiếu	17/01/2002	2050512200137	Nghệ An	20D1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
722	191821	Phạm Duy Hiếu	25/04/2003	21115044120215	Quảng Ngãi	21CDT2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
723	191822	Bùi Minh Hoàng	16/11/2003	21115041120121	Quảng Bình	21C1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
724	191823	Đặng Võ Hoàng	21/12/2003	21115042120118	Gia Lai	21DL1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
725	191824	Lê Thanh Hoàng	16/09/2003	21115042120120	Đắk Lắk	21DL1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
726	191825	Nguyễn Bá Hoàng	02/09/2003	21115042120121	Hà Tĩnh	21DL1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
727	191826	Nguyễn Văn Hoàng	15/06/2000	1811504410127	Thừa Thiên Huế	18CDT1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
728	191827	Trương Quang Hoàng	17/03/2003	21115042120225	Hà Tĩnh	21DL2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
729	191828	Trương Việt Hoàng	04/07/2003	21115053120314	Nghệ An	21T3	3	23 (B401)	ĐHSPKT
730	191829	Trần Quốc Huân	17/06/2003	21115042120227	Hà Tĩnh	21DL2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
731	191830	Ngô Văn Hùng	14/10/2003	21115051220124	Đà Nẵng	21D1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
732	191831	Nguyễn Mạnh Hùng	02/01/2003	21115051220125	Quảng Nam	21D2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
733	191832	Nguyễn Quốc Hùng	28/09/2003	21115044120218	Đà Nẵng	21CDT2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
734	191833	Lương Thành Hưng	16/11/2001	1911506310116	Quảng Nam	19XC1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
735	191834	Nguyễn Đắc Tuấn Hưng	29/01/2003	21115061120112	Thừa Thiên Huế	21XD1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
736	191835	Lưu Quang Huy	21/07/2004	22115072122107	Quảng Nam	22MT1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
737	191836	Ngô Trương Quang Huy	17/08/2003	21115053120220	Đắk Lắk	21T2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
738	191837	Nguyễn Quang Huy	23/10/2001	2050421200147	Đà Nẵng	20DL1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
739	191838	Nguyễn Xuân Huy	07/08/2003	21115051220226	Bình Định	21D3	3	23 (B401)	ĐHSPKT
740	191839	Nguyễn Vũ Kha	30/06/2004	22115041122230	Quảng Ngãi	22C2	3	23 (B401)	ĐHSPKT
741	191840	Đỗ Gia Khải	17/01/2003	21115061120116	Quảng Ngãi	21XD1	3	23 (B401)	ĐHSPKT
742	191841	Nguyễn Trọng Khang	02/08/2001	1911505310131	Quảng Nam	19T1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
743	191842	Trương Đình Khang	15/10/2003	21115044120224	Quảng Bình	21CDT2	3	24 (B402)	ĐHSPKT
744	191843	Ngô Hoàng Khanh	05/11/2003	21115041120127	Quảng Nam	21C1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
745	191844	Phan Chí Khanh	16/07/2003	21115043120126	Quảng Nam	21N1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
746	191845	Trần Văn Khanh	10/03/2002	2050512200147	Quảng Bình	20D1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
747	191846	Nguyễn Quốc Khánh	25/05/2003	21115043120127	Quảng Nam	21N1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
748	191847	Nguyễn Tri Gia Khánh	23/01/2003	21115042120128	Đà Nẵng	21DL1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
749	191848	Nguyễn Văn Khánh	05/06/2003	21115043120128	Quảng Nam	21N1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
750	191849	Nguyễn Hồng Đăng Khoa	01/11/2003	21115054120124	Đà Nẵng	21DT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
751	191850	Nguyễn Văn Đăng Khoa	01/10/2004	22115044122130	Quảng Nam	22CDT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
752	191851	Phạm Đăng Khoa	25/10/2003	21115055120228	Quảng Nam	21TDH2	3	24 (B402)	ĐHSPKT
753	191852	Nguyễn Trung Kiên	16/10/2003	21115067121110	Khánh Hòa	21KT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
754	191853	Đào Viết Kiệt	18/02/2003	21115055120139	Quảng Nam	21TDH1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
755	191854	Lê Hà Công Lâm	14/04/2003	21115064120108	Quảng Nam	21XH1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
756	191855	Nguyễn Tài Lân	16/10/2002	2050541200140	Quảng Ngãi	20DT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
757	191856	Trương Xuân Lập	02/06/2002	2050551200149	Hà Tĩnh	20TĐH1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
758	191857	Trần Lê Linh	02/01/2000	2050721200103	Đà Nẵng	20MT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
759	191858	Phan Văn Lĩnh	26/10/2003	21115053120327	Quảng Nam	21T3	3	24 (B402)	ĐHSPKT
760	191859	Đổng Đắc Lộc	23/06/2002	2050441200157	Đà Nẵng	20CDT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
761	191860	Dương Nguyễn Tấn Lộc	08/06/2003	21115044120125	Quảng Ngãi	21CDT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
762	191861	Huỳnh Tấn Lộc	05/08/2003	21115061120122	Quảng Nam	21XD1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
763	191862	Nguyễn Đình Lợi	28/10/2003	21115044120126	Quảng Nam	21CDT1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
764	191863	Trần Văn Lợi	07/11/1998	21115051220232	Quảng Bình	21D3	3	24 (B402)	ĐHSPKT
765	191864	Lê Ngọc Long	18/07/2003	21115064120109	Quảng Nam	21XH1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
766	191865	Nguyễn Hoàng Long	21/09/2003	21115055120144	Quảng Bình	21TDH1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
767	191866	Nguyễn Thành Long	22/10/2002	2050411200151	Quảng Ngãi	20C1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
768	191867	Nguyễn Trần Phúc Bảo	07/03/2003	21115042120131	Quảng Ngãi	21DL1	3	24 (B402)	ĐHSPKT
769	191868	Nguyễn Hải Luân	06/09/2002	2050531200227	Hồ Chí Minh	20T2	3	24 (B402)	ĐHSPKT
770	191869	Hồ Xuân Luật	27/09/2002	2050551200158	Quảng Ngãi	20TDH1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
771	191870	Trần Võ Quốc Lực	07/06/2003	21115042120237	Quảng Nam	21DL2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
772	191871	Lê Quang Lư	12/05/2003	21115053120126	Quảng Trị	21T1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
773	191872	Võ Thị Mỹ Ly	07/11/2003	21115073120113	Quảng Nam	21HTP1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
774	191873	Đặng Bảo Mạnh	25/04/2003	21115054120128	Đà Nẵng	21DT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
775	191874	Văn Phú Mạnh	14/04/2003	21115053120331	Đắk Lắk	21T3	3	25 (B403)	ĐHSPKT
776	191875	Lê Đức Minh	03/04/2002	2050541200145	Quảng Nam	20DT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
777	191876	Phan Hữu Minh	20/03/2003	21115041120224	Đà Nẵng	21C2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
778	191877	Nguyễn Thanh Nam	29/03/2001	1911504110126	Quảng Nam	19C1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
779	191878	Trần Văn Nam	14/03/2003	21115042120240	Đà Nẵng	21DL2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
780	191879	Lê Quốc Ngạc	30/06/2002	2050441200210	Đà Nẵng	20CDT2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
781	191880	Hoàng Kim Ngân	24/09/2003	21115044120130	Đà Nẵng	21CDT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
782	191881	Võ Duy Ngân	25/08/2003	21115042120242	Quảng Ngãi	21DL2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
783	191882	Lưu Nguyễn Trọng Nghĩa	28/11/2002	2050531200237	Đà Nẵng	20T2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
784	191883	Nguyễn Văn Nghiệp	25/12/2002	2050421200176	Bình Định	20DL1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
785	191884	Trần Minh Ngọc	27/09/2003	21115042120243	Đà Nẵng	21DL2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
786	191885	Hà Đức Ngưỡng	21/05/2003	21115061120127	Quảng Nam	21XD1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
787	191886	Đặng Sĩ Nguyên	19/02/2002	2050441200213	Quảng Bình	20CDT2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
788	191887	Lê Sỹ Nhân	28/09/2003	21115044120134	Hà Tĩnh	21CDT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
789	191888	Nguyễn Văn Trọng Nhân	20/04/2003	21115044120230	Quảng Trị	21CDT2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
790	191889	Bùi Tấn Nhật	04/04/2003	21115044120136	Đà Nẵng	21CDT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
791	191890	Đoàn Anh Nhật	26/08/2003	21115055120151	Quảng Trị	21TDH1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
792	191891	Văn Hoàng Nhật	04/12/2003	21115054120141	Quảng Nam	21DT1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
793	191892	Nguyễn Tấn Ninh	23/02/2003	22115055122277	Quảng Ngãi	22TDH2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
794	191893	Trần Đức Nông	09/02/2003	21115041120231	Đắk Lắk	21C2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
795	191894	Nguyễn Xuân Phát	22/01/2002	2050512200207	Quảng Nam	20D1	3	25 (B403)	ĐHSPKT
796	191895	Hoàng Trương Phi	19/09/2003	21115042120246	Quảng Bình	21DL2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
797	191896	Ung Hoàng Phi	24/02/2003	21115041120232	Quảng Nam	21C2	3	25 (B403)	ĐHSPKT
798	191897	Nguyễn Hoàng Phong	07/11/2003	21115043120141	Quảng Trị	21N1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
799	191898	Phạm Tiến Phúc	22/12/2003	21115042120248	Hà Tĩnh	21DL2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
800	191899	Trương Nguyễn Bảo Phúc	26/03/2002	2050512200210	Quảng Nam	20D1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
801	191900	Vũ Văn Phúc	04/04/2003	21115044120239	Nghệ An	21CDT2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
802	191901	Hồ Văn Phước	25/04/2004	22115043122226	Quảng Trị	22N2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
803	191902	Lê Hữu Phước	09/02/2004	22115051222135	Quảng Trị	22D1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
804	191903	Phạm Tấn Phước	25/10/2003	21115044120240	Quảng Ngãi	21CDT2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
805	191904	Võ Hoàng Phước	17/04/2003	21115041120236	Đắk Lắk	21C2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
806	191905	Nguyễn Văn Quý	10/03/2003	21115044120246	Quảng Nam	21CDT02	3	26 (C402)	ĐHSPKT
807	191906	Nguyễn Văn Quốc	27/07/2002	2050551200212	Thừa Thiên Huế	20TDH2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
808	191907	Hoàng Thị Như Quỳnh	10/02/2003	21115053120139	Đà Nẵng	21T1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
809	191908	Nguyễn Trần Quốc Sang	07/09/2003	21115053120239	Đắk Lắk	21T2	3	26 (C402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
810	191909	Ngô Văn Sinh	05/08/2003	21115053120240	Quảng Ngãi	21T2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
811	191910	Lê Phước Sơn	30/05/2003	21115055120250	Nghệ An	21TDH2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
812	191911	Bùi Đức Sỹ	23/09/2003	21115044120150	Quảng Nam	21CDT1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
813	191912	Lê Tự Tài	01/12/2003	21115042120151	Quảng Nam	21DL1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
814	191913	Trần Ngọc Thành	11/11/2003	21115055120252	Quảng Nam	21TDH2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
815	191914	Trần Văn Tài	18/08/2002	2050541200151	Đà Nẵng	20DT1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
816	191915	Từ Thanh Tài	06/05/2003	21115044120249	Quảng Nam	21CDT2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
817	191916	Nguyễn Hưng Tâm	02/07/2004	22115042122156	Phú yên	22DL1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
818	191917	Phạm Chí Tâm	03/07/2003	21115051220247	Bình Định	21D3	3	26 (C402)	ĐHSPKT
819	191918	Phạm Thiện Tâm	23/01/2004	22115053122336	Phú yên	22T3	3	26 (C402)	ĐHSPKT
820	191919	Hồ Văn Tân	01/01/2002	2050611200152	Hà Tĩnh	20XD1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
821	191920	Nguyễn Duy Tân	07/07/2004	22115043122136	Quảng Ngãi	22N1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
822	191921	Nguyễn Hòa Tân	15/04/2003	21115073120119	Bình Định	21HTP1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
823	191922	Lê Trọng Tấn	15/10/2003	21115064120113	Quảng Nam	21XH1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
824	191923	Trần Thanh Tây	22/06/2003	21115055120254	Quảng Ngãi	21TDH2	3	26 (C402)	ĐHSPKT
825	191924	Đặng Quang Thân	15/12/2004	22115063122115	Đà Nẵng	22XC1	3	26 (C402)	ĐHSPKT
826	191925	Nguyễn Tấn Thân	19/01/2004	22115044122244	Quảng Ngãi	22CDT2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
827	191926	Huỳnh Kim Thắng	27/12/2003	21115053120145	Quảng Nam	21T1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
828	191927	Nguyễn Anh Thắng	08/08/2002	2050411200241	Đà Nẵng	20C2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
829	191928	Nguyễn Ngọc Thắng	01/11/2003	21115044120152	Nghệ An	21CDT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
830	191929	Trần Hữu Thắng	27/09/2002	2050531200334	Quảng Trị	20T3	3	27 (C401)	ĐHSPKT
831	191930	Trần Việt Thắng	01/04/2004	22115042122157	Đắk Lắk	22DL1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
832	191931	Đoàn Thị Thanh	25/08/2003	21115055120159	Quảng Trị	21TDH1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
833	191932	Huỳnh Bá Thành	26/08/2000	1811506120154	Đà Nẵng	18XD1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
834	191933	Ngô Văn Thành	07/10/2002	2050441200263	Hà Tĩnh	20CDT2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
835	191934	Phạm Trung Thành	12/05/2003	21115061120231	Quảng Ngãi	21XD2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
836	191935	Nguyễn Vũ Anh Thi	27/08/2003	21115054120161	Đà Nẵng	21DT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
837	191936	Nguyễn Nhật Thiên	28/01/2003	21115051220159	Quảng Nam	21D1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
838	191937	Đặng Văn Thịnh	20/08/2003	21115055120164	Quảng Nam	21TDH1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
839	191938	Hoàng Kim Thịnh	06/05/2002	2050441200248	Đà Nẵng	20CDT2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
840	191939	Nguyễn Trọng Thụ	12/01/2003	21115042120259	Quảng Bình	21DL2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
841	191940	Lê Văn Thuận	31/10/2003	21115073120126	Quảng Nam	21HTP1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
842	191941	Ngô Văn Thuận	20/10/2003	21115051220162	Quảng Nam	21D2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
843	191942	Trần Trương Trọng Thức	03/03/2004	22115043122139	Bình Định	22N1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
844	191943	Nguyễn Văn Thùy	13/01/2003	21115044120255	Quảng Trị	21CDT2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
845	191944	Đậu Đức Tiến	07/03/2003	21115054120164	Nghệ An	21DT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
846	191945	Lương Trung Tiến	26/10/2004	22115041122256	Quảng Ngãi	22C2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
847	191946	Nguyễn Thị Dạ Tiên	05/10/2003	21115073120127	Quảng Nam	21HTP1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
848	191947	Trần Tín	15/11/2003	21115051220258	Đà Nẵng	21D2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
849	191948	Lê Tính	28/11/2003	21115061120141	Quảng Ngãi	21XD1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
850	191949	Mai Văn Tình	02/11/2003	21115042120266	Quảng Bình	21DL2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
851	191950	Nguyễn Thái Toàn	20/03/2004	22115061122250	Quảng Ngãi	22XD2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
852	191951	Đoàn Lưu Ngọc Trâm	07/09/2003	21115073120128	Quảng Nam	21HTP1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
853	191952	Lê Minh Trí	19/05/2002	21115072120121	Đà Nẵng	21MT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
854	191953	Nguyễn Minh Trí	18/10/2004	22115043122238	Bình Định	22N2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
855	191954	Nguyễn Quý Trọng	19/06/2000	1811504110346	Gia Lai	18C3	3	27 (C401)	ĐHSPKT
856	191955	Ngô Thiên Trúc	02/03/2002	2050551200244	Đà Nẵng	20TDH2	3	27 (C401)	ĐHSPKT
857	191956	Hoàng Quốc Trung	28/06/2003	21115061120145	Quảng Nam	21XD1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
858	191957	Phạm Quốc Trung	01/02/1999	1711505210130	Phú yên	17KTDT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
859	191958	Phạm Việt Trung	01/01/2001	1911505410168	Quảng Ngãi	19DT1	3	27 (C401)	ĐHSPKT
860	191959	Lương Thanh Trương	04/11/2002	2050631200113	Quảng Nam	20XC1	3	27 (C401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
861	191960	Nguyễn Sơn	Trưởng	13/01/2003	21115067121116	Bình Định	21KT1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
862	191961	Lê Nguyễn Hữu	Truyền	25/07/2003	21115051220281	Quảng Nam	21D3	3 27 (C401)	ĐHSPKT
863	191962	Trần Anh	Tú	17/08/2002	2050551200227	Kon Tum	20TDH2	3 27 (C401)	ĐHSPKT
864	191963	Nguyễn Đình	Tuân	30/05/2002	2050512200238	Quảng Nam	20D1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
865	191964	Nguyễn Văn	Tuấn	12/09/2001	1911505410157	Quảng Ngãi	19DT1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
866	191965	Phạm Nguyễn Ngọc	Tuấn	22/02/2003	21115044120264	Quảng Ngãi	21CDT2	3 27 (C401)	ĐHSPKT
867	191966	Trần Bá	Tuấn	30/10/2004	22115043122243	Đà Nẵng	22N2	3 27 (C401)	ĐHSPKT
868	191967	Nguyễn Thành	Viên	12/04/2003	21115044120267	Quảng Nam	21CDT2	3 27 (C401)	ĐHSPKT
869	191968	Nguyễn Thanh	Việt	03/07/2003	21115044120268	Đà Nẵng	21CĐT2	3 27 (C401)	ĐHSPKT
870	191969	Nguyễn Minh	Vũ	10/09/2004	22115054122175	Đà Nẵng	22DT1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
871	191970	Phạm Ngọc	Vũ	30/05/2003	21115043120163	Quảng Ngãi	21N1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
872	191971	Lê Khắc Minh	Vương	13/12/2003	21115041120167	Quảng Nam	21C1	3 27 (C401)	ĐHSPKT
873	191972	Phan Ngọc	Vỹ	04/05/2003	21115051220274	Quảng Bình	21D3	3 27 (C401)	ĐHSPKT
874	191973	Phan Đình	Yên	10/03/2003	21115053120360	Quảng Nam	21T3	3 27 (C401)	ĐHSPKT
875	191974	Hoàng Nhật	Anh	08/05/2001	20BA060	08/05/2001	20EC	3 27 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
876	191975	Phạm Thị Ngọc	Ánh	20/10/2004	22BA004	20/10/2004	22GBA	3 27 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
877	191976	Lê Duy	Bảo	24/01/2003	21IT529	24/01/2003	21MC	3 27 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
878	191977	Phạm Duy	Chánh	19/04/2003	21IT532	19/04/2003	21SE2	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
879	191978	Nguyễn Thị Minh	Châu	11/10/2004	22BA007	11/10/2004	22BA	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
880	191979	Nguyễn Văn	Công	10/05/2002	20IT088	10/05/2002	20SE3	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
881	191980	Nguyễn Sỹ	Đan	08/05/2002	20IT259	08/05/2002	20SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
882	191981	Đinh Hồng	Đức	12/01/2002	21IT269	12/01/2002	21SE1	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
883	191982	Lê Diên Trung	Dũng	23/10/2002	20IT257	23/10/2002	20SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
884	191983	Trần Anh	Dũng	25/05/2002	20IT478	25/05/2002	20SE1	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
885	191984	Trần Đại	Giàu	16/08/2002	20IT482	16/08/2002	20SE3	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
886	191985	Nguyễn Minh	Hà	28/12/2001	19IT309	28/12/2001	19IT5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
887	191986	Trần Phước	Hào	08/02/2002	20BA076	08/02/2002	20GBA	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
888	191987	Lê Thị Mỹ	Hậu	20/08/2002	20IT262	20/08/2002	20SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
889	191988	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	21/05/2003	21IT072	21/05/2003	21SE4	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
890	191989	Huỳnh Thị	Hoa	31/01/2003	21IT345	31/01/2003	21SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
891	191990	Thái Văn	Hòa	20/06/2002	21IT346	20/06/2002	21IR	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
892	191991	Nguyễn Văn	Hùng	21/10/2002	20IT267	21/10/2002	20MC	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
893	191992	Huỳnh Ngọc	Huy	29/04/2003	21IT352	29/04/2003	21SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
894	191993	Lại Nguyễn Quốc	Huy	06/02/2002	20IT217	06/02/2002	20SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
895	191994	Phạm Văn	Huy	01/01/2002	20IT433	01/01/2002	20SE6	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
896	191995	Võ Đức	Huy	06/11/2002	20IT666	06/11/2002	20SE6	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
897	191996	Phan Văn	Khải	04/11/2002	20IT436	04/11/2002	20SE6	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
898	191997	Vũ Trần Nguyệt	Khanh	20/09/2003	21BA148	20/09/2003	21DM2	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
899	191998	Trương Quốc	Khánh	19/08/2001	19IT168	19/08/2001	19IT3	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
900	191999	Phan Văn	Lai	28/01/2002	20IT1028	28/01/2002	20SE1	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
901	192000	Lê Thị Đan	Liên	26/06/2003	21IT622	26/06/2003	21SE4	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
902	192001	Nguyễn Khánh	Linh	02/02/2002	21I358	02/02/2002	21SE5	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
903	192002	Đoàn Trường	Long	01/08/2000	21IT289	01/08/2000	21SE2	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
904	192003	Hứa Thị Cẩm	Ly	05/11/2004	22BA041	05/11/2004	22BA	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
905	192004	Lê Thị Trúc	Ly	23/06/2004	22BA042	23/06/2004	22BA	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
906	192005	Phạm Thị Ngọc	Mai	27/01/2004	22BA045	27/01/2004	22BA	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
907	192006	Hồ Ly	Na	19/04/2003	21BA232	19/04/2003	21EC	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
908	192007	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	27/09/2003	22EL097	27/09/2003	22EL2	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
909	192008	Tăng Thị Tuyết	Nhi	14/03/2004	22DM070	14/03/2004	22DM	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
910	192009	Biền Mai	Như	12/09/2003	21IT297	12/09/2003	21MC	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
911	192010	Lê Hồng	Phong	19/07/2002	20CE011	19/07/2002	20CE	3 28(C404)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
912	192011	Lê Văn Phước	10/10/2002	20IT938	10/10/2002	20SE3	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
913	192012	Phan Thị Thu Phương	24/09/2003	21IT508	24/09/2003	21SE5	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
914	192013	Lương Minh Quân	20/03/2002	20IT951	20/03/2002	20AD	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
915	192014	Vũ Minh Quân	04/07/2001	19IT110	04/07/2001	19IT2	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
916	192015	Nguyễn Duy Quang	03/09/2001	19IT041	03/09/2001	19IT1	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
917	192016	Nguyễn Tài Quý	09/11/2003	21IT229	09/11/2003	21SE3	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
918	192017	Huỳnh Thị Quyên	07/03/2004	22DM079	07/03/2004	22DM	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
919	192018	Lưu Văn Sâm	12/03/2002	20BA097	12/03/2002	20DM	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
920	192019	Nguyễn Đình Anh Tài	06/02/2003	21IT580	06/02/2003	21SE2	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
921	192020	Phạm Văn Tài	08/01/2002	20IT393	08/01/2002	20SE1	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
922	192021	Phan Xuân Tấn	04/05/2002	20IT121	04/05/2002	20SE3	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
923	192022	Trịnh Thu Thanh	19/11/2004	22DM084	19/11/2004	22DM	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
924	192023	Lê Thu Thảo	06/01/2003	21IT447	06/01/2003	21SE4	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
925	192024	Nguyễn Thị Thanh Thảo	23/10/2003	21BA177	23/10/2003	21EC	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
926	192025	Lê Văn Tiến	26/12/2003	21DA057	26/12/2003	21DA	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
927	192026	Trần Duy Tính	10/08/2003	21IT387	10/08/2003	21SE5	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
928	192027	Lê Đức Toàn	09/08/2003	21IT586	09/08/2003	21SE2	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
929	192028	Trần Thị Thu Trinh	19/10/2003	21IT591	19/10/2003	21MC	3	28(C404)	ĐHCNTT&TTVH
930	192029	Nguyễn Minh Tú	12/06/2003	21IT390	12/06/2003	21SE5	3	29 (A201)	ĐHCNTT&TTVH
931	192030	Trần Quốc Tùng	30/11/2002	20IT615	30/11/2002	20SE2	3	29 (A201)	ĐHCNTT&TTVH
932	192031	Tạ Duy Xuân	05/02/2002	20IT466	05/02/2002	20SE6	3	29 (A201)	ĐHCNTT&TTVH
933	192032	Đặng Trần Bảo Châu	14/06/2004	227720201006	Huế	D22	3	29 (A201)	Y Dược
934	192033	Nguyễn Quỳnh Chi	16/06/2002	207720501210	Hà Tĩnh	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
935	192034	Nguyễn Thành Đạt	09/04/2002	207720101021	Quảng Nam	YK20A	3	29 (A201)	Y Dược
936	192035	Siu H' Gem	06/09/2004	227720301008	Gia Lai	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
937	192036	Nguyễn Hoàng Phương Hân	18/12/2001	207720101027	Quảng Nam	YK20A	3	29 (A201)	Y Dược
938	192037	Phạm Thị Thu Hằng	10/07/2004	227720301011	Hà Tĩnh	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
939	192038	Trần Thu Hằng	27/10/2004	227720201009	Quảng Nam	D22	3	29 (A201)	Y Dược
940	192039	Trần Nam Hoài Hậu	24/04/2002	207720101029	Quảng Ngãi	YK20A	3	29 (A201)	Y Dược
941	192040	Trương Thị Diệu Hiền	28/05/2004	227720301014	Khánh Hòa	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
942	192041	Dương Thị Mỹ Linh	01/04/2004	227720301019	Quảng Bình	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
943	192042	Ngô Thị Mỹ Linh	18/12/2004	227720301020	Quảng Trị	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
944	192043	Trần Thị Mỹ Linh	24/06/2003	217720301165	Huế	DD21	3	29 (A201)	Y Dược
945	192044	Phạm Thị Trà Mi	13/03/2004	227720301023	Thanh Hóa	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
946	192045	Hồ Thị Thanh Nga	03/05/2002	207720101057	Gia Lai	YK20A	3	29 (A201)	Y Dược
947	192046	Ngô Lê Thanh Nhã	30/04/2002	207720501238	Quảng Ngãi	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
948	192047	Kiều Thị Trinh Nữ	25/09/2004	227720301024	Đắk Lắk	DD22	3	29 (A201)	Y Dược
949	192048	Nguyễn Minh Phúc	20/04/2002	207720501242	Quảng Ngãi	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
950	192049	Hoàng Nhật Quân	01/03/2003	217720201126	Huế	D21	3	29 (A201)	Y Dược
951	192050	Từ Thị Mỹ Tâm	20/07/2002	207720501247	Gia Lai	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
952	192051	Nguyễn Đức Công Thành	22/03/2002	207720101089	Quảng Ngãi	YK20A	3	29 (A201)	Y Dược
953	192052	Nguyễn Hoàng Nguyên Thảo	18/11/2002	207720501249	Quảng Nam	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
954	192053	Nguyễn Võ Anh Tuấn	20/05/2003	217720201138	Khánh Hòa	D21	3	29 (A201)	Y Dược
955	192054	Nguyễn Thị Diệu Vy	20/08/2003	217720201143	Đà Nẵng	D21	3	29 (A201)	Y Dược
956	192055	Nguyễn Tường Vy	06/08/2002	207720501259	Đà Nẵng	RHM20	3	29 (A201)	Y Dược
957	192056	Lý Thị Xuân	25/02/2004	227720201045	Đắk Lắk	D22	3	29 (A201)	Y Dược

Danh sách có 957 thí sinh./.